

70.64.954
Năm thứ hai - số 22

7-3-62
1^{er} Août 1933

VĂN-HOČ

TẠP CHÍ

CƠ-QUAN CHUYÊN KHẢO-CUU, BÀN
SOAN, GIANG-GIAI, VEE QUOC-VAN
MOI THANG RA HAI KY: NGAY 1^{er} VA 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 - Thơ mới	91
2 - Quốc văn bình giảng : thầy Tử - Lộ	95
3 - Điện thoại	98
4 - Nét mực xưa : Bài hát kẻ đường dẫu nước Nam	101
5 - Hàn lâm viện nước Pháp	103
6 - Văn thơ (cổ và kim)	106
7 - Trả lời cho ông Chắt-Hằng về bài phê bình quyền Những áng văn hay	110
8 - Bần nữ thán dẫn giải	116
9 - Chuyện vui	119
10 - Giới thiệu sách, báo	121
11 - Văn tỳ bà hành	123
12 - Thơ ta dịch ra Pháp văn (Nguyễn - Công - Trứ)	125
13 - Mấy câu đối cổ rất lý thú	126
14 - Hoa - Lư kết - nghĩa (lịch - sử - tiểu - thuyết)	127
15 - Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng)	131
16 - Tự học tiếng Ảng - lê	135

CHỦ - BÚT Dương - Bá - Trạc - CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông 193,

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 - nửa năm : 1\$70 - mỗi số : 0\$15

ĐỒNG LƯƠNG TRÀ LÀ TRÀ NỘI HÓA

**X i n
Quốc
D â n
chú ý**

Lợi quyền há lại nhường ai,
Này gìn - giữ, này cạnh tranh,
Quyết chẳng sông Ngô đem vàng đồ;
Thổ sản là chung của nước,
Phải vun trồng, phải thụ dụng,
Hoài chi cây quế để Mường leo.

P. T. Đ.

KÍNH TRINH QUÍ KHÁCH

Vì lòng ham mê nền thực-nghiệp, muốn bảo thủ quyền lợi về chè của nước ta, bản hiệu chủ nhân hết sức nghiên cứu đã lâu năm, chọn thổ ngơi tùy tính chất tốt xấu, nghĩ ra một cách chế chè theo khoa học mới. Kể đã tốn phí rất nhiều mới lập nên một Tổng cục chế tạo chè ĐỒNG - LƯƠNG tại số 125, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI và đủ là lực phát chè ra cho hàng trăm nhà Đại Lý ở các tỉnh lúc nào cũng đủ các hạng chè bán trong 6 năm trời nay như: Đồng-Lương, Tiên-Mai, Chân Thái, Vinh-Thái, Đầu-Xuân v.v. đều là chè hiệu ĐỒNG LƯƠNG cả. Cái tiếng chè NỘI - HÓA ĐỒNG - LƯƠNG từ ngày Hội-Chợ Hanoi năm 1932 đến nay đã vang lừng ba xứ vì đã được nhiều quý-khách trong quốc-dân tin dùng. Tuy vậy, bản-hiệu chủ nhân còn nhất tâm hi sinh tài lực để sửa đổi cách chế tạo cho được ngày càng thêm hoàn hảo. Vừa rồi bản-hiệu chủ nhân đã xin được phép sang Tàu khảo sát về cách giồng chè, lấy búp, khí hậu, thổ ngơi, cách chế tham bán Á Âu... Vì thế chè của bản hiệu ngày nay chế ra được bội phần hoàn hảo hơn xưa: tinh vi, thanh khiết, uống vào dễ tiêu, ngủ được, được đủ bổ dưỡng tinh thần, làm nhẹ nhàng thân thể. Xin quý khách dùng thử mới tin nhờ của bản hiệu, quảng cáo đúng với công phu chế tạo đã có kết quả tốt tươi. Xin nhớ nhận dấu hiệu ĐỒNG - LƯƠNG kéo nhằm với các thứ tạp hiệu chế không hợp cách. Vì những thứ chè tạp hiệu giả mạo đó đã làm mất tiếng chè nội hóa trong bấy lâu. Từ ngày chè ĐỒNG - LƯƠNG ra đời và chấn hưng lại nghề chè nước ta chắc không để phụ lòng quốc dân tin dùng.

Quý khách chiếu cố — Bản hiệu cảm ơn

ĐỒNG - LƯƠNG, dit PHẠM - TRÁC - ĐỒNG

Số 125, phố hàng Bông — Hanoi

NHỜI GHI. — Chè của bản-hiệu rất tốt, rất ngon, rất lợi nước mà bán rất rẻ trong buổi đầu để làm quảng cáo khắp các nơi: Vì nào cần nếm thử, xin viết thư về lấy gói chè quảng cáo. Nhớ gửi cho 0\$30 bằng con niêm để làm phí tổn.

VĂN-HỌC TẬP-CHÍ

THƠ MỚI



ách đây hơn một năm, một nhà nho thích cái mới ở trong Nam, ông Phan Khôi, có đem « trình chánh giữa làng thơ một lối thơ mới ».

Ông Phan Khôi cho rằng lối thơ Đường-luật mà ta bắt chước của Tàu xưa nay đã chỉ có 4 hay 8 câu, mỗi câu 5 hoặc 7 tiếng mà lại bị câu-húc bởi những niêm luật rất phiền phức, thành ra mãi chằm chút cho phần hình thức được đúng với thai-luật, nên tư tưởng những nhà thơ không thể phát hiện ra một cách tự do, phóng túng được.

Nay bắt trấp tất cả niêm luật, óc nghĩ thế nào thì phóng bút viết một thể thơ như thơ tây :

*Từ hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới đèn mờ, trong nhà nhỏ,
Đôi bạn đầu xanh đang than thở :
« Ôi, đôi ta tình thương nặng,
« Mà lấy nhau đã không đáng ;
« Đến nỗi tình trước phụ sau,
« Chỉ bằng sớm liệu buông nhau.»*

.

Tĩnh giả

nó chỉ khác văn xuôi vì có vần thì những nhà thơ không bị bó buộc vào khuôn phép, có thể diễn những tư tưởng mới lạ bằng những lời thơ cứng, cắt.

Phá cùm và cắt xích cho những nhà thơ, công cuộc giải-phóng đó không phải là chẳng hợp lý và chẳng thích thời.

Nhưng khi ấy cũng ít người hưởng ứng, trong số tôi thấy có ông Thượng-Minh mà các bạn đọc-giả của Văn-học tập-chí chắc còn nhớ là một người vì quá hâm mộ ông Phan Khôi mà liệt ông Nguyễn khắc-Hiếu vào hạng nhà văn điên cuồng, gàn dở.

Mới đây, một tờ báo có tính cách hài hước « lại đem cái vấn đề thơ mới ấy đặt lên thảm xanh » và hết sức cổ động cho « lối thơ Phan Khôi » như lời ông Thượng-Minh đã nói trong báo Đông-tây.

Nhưng trước khi bàn về việc đòi mới cho thơ, ta hãy nên « trả cho César cái gì của César đã ». Tôi muốn nói rằng ông Phan Khôi chẳng phải là người thứ nhất đã có cái sáng - kiến làm thơ quốc văn theo lối tây vậy.

Người ấy có phải ai đâu mà chính là ông Nguyễn văn Vĩnh. Ta hãy đọc mấy câu trong bài ngụ-ngôn « Con ve và con kiến » dịch của La Fontaine ra đây :

Ve sầu kêu ve ve,
 Suốt mùa hè
 Đến kỳ gió bắc thổi,
 Nguồn cơn thật bối rối.
 Một miếng cũng chẳng còn,
 Ruồi bọ không một con.
 Vác miệng chịu khúm núm,
 Sang chị Kiến hàng xóm,
 Xin cùng chị cho vay,
 Giảm ba hạt qua ngày.

.

Song tôi không đồng ý hẳn với người hay những người đã và sẽ sáng tạo ra các lối thơ mới, tuy trên kia tôi nói rằng công cuộc giải phóng cho thơ không phải là chẳng hợp lý và chẳng thích thời.

Tôi thích đổi mới cho thơ, nhưng tôi chú trọng về đường tinh thần của thơ hơn là đường hình thức. Về đường hình thức của thơ, tôi dám nói rằng những nhà thơ cổ của Trung-quốc đáng là thầy ta. Lối thơ Đường luật tuy bị giam hãm vào trong cái thi pháp chặt chẽ, nhưng ta thử hỏi có lối thơ nào là chẳng phải bó buộc bởi những luật lệ nhất định. Ngay như thơ tây cũng còn phải theo những phép tắc rất phiền phức. Vì nếu không thế thì không phải là thơ nữa.

Vả ngoài thể thơ Đường luật nghiêm ngặt ra, ta há lại không còn thể nào rộng rãi nữa hay sao?

Thi thể cổ phong đó thật đủ tư cách đề ứng phó cho sự nhu yếu của ta. Cổ phong là lối văn có vần mà không đối nhau. Nếu có đối nhau là tùy ý của nhà làm văn, không phải là một luật nhất định. Cổ phong không có niêm luật, không hạn câu, từ bốn câu cho đến bao nhiêu câu cũng được. Cả bài dùng một vần tức là độc vận, như :

Hôm qua có bạn, rượu lại hết,
Hôm nay có rượu, bạn không biết.
Cất đi, đợi bạn đến lúc nào,
Cùng uống cùng vui trời đất tít.
Khi say, quên cả ai là ta,
Còn hơn lúc tỉnh nhớ mà mệt.

Cả bài dùng nhiều vần là liên vận như :

Đá xanh như nhuộm, nước như lọc,
Cỏ cây hoa lá dẹt như vóc.
Trời quang mây tạnh gió hiu hiu,
Ai thấy cảnh này mà chẳng yếu.
Mới biết Hóa-công tay khéo vẽ,

Tay người điềm xuyết ra nước non,
 Bề cạn non bộ nhỏ con con.
 Sao bằng tiêu giao cùng Tào hóa,
 Bốn mùa phong cảnh thật không giả.

Đọc qua mấy bài thơ thể cổ phong tôi lục ra trên đây, chắc phần nhiều các bạn đọc - giả sẽ nghĩ như tôi rằng những người khởi - xướng và cổ - động cho lối thơ mới chỉ là « cho máy chạy rứt lùi » mà thôi, chứ có chi là đặt ra mới đâu.

Vì vậy, tôi cho cái hình thức của thơ chẳng cần phải đổi mới. Việc các nhà thơ nên làm ngay bây giờ là cứ theo cái hình thức thơ cổ mà diễn những tư tưởng mới.

Ngày nay, người ta đã chán những bài thơ vịnh con cóc, cái diều, cái điếu, thu âm, thu điệu... là những đầu đề cũ rích rồi. Người ta muốn chôn những bài thơ ký tên ai cũng được ấy, cả những nhà thi - sĩ đã bắt chước của những người bắt chước mà gọt rửa nên nó nữa. Người ta mong cho những ông « thợ thơ » biết tìm những đầu đề mới mà khiến cho, ở thời - đại này, thơ thành ra có tính cách triết học và khoa học một chút.

Tóm lại, cái tôn - chỉ của tôi là : « Dùng lời thơ cổ mà diễn những tư tưởng mới » giống như cái tôn - chỉ của thi - sĩ André Chénier ở cuối thế - kỷ XVIII trong văn nước Pháp : « Sur des penses nouveaux, faisons des vers antiques ».

Một bài sau, tôi sẽ nói rõ về việc gọt rửa cái tinh thần cũ rích của thơ để cho nó được nhuộm một ít riết học và khoa học mà thành ra trẻ trung mới mẻ.

CHẤT HẰNG

QUỐC-VĂN BÌNH-GIANG

THẦY TỬ-LỘ

Thầy Tử-Lộ cũng người nước Lỗ,
Thờ hai thân từng bữa canh lê.
Hàng khi đội gao đi về,
Xa xôi trăm dặm, nặng nề đôi vai.
Đỉnh hoa-biểu từ khơi bóng hạc,
Lối nam-du nhẹ bước tang bồng.
Xe trăm cỗ, thóc muôn chung,
Ngồi trùg nệm ghép, ăn trùg vạc cao.
Thân phú quý ngấm vào thêm tủi,
Đức cù-lao chạnh tới càng đau.
Nào khi đội gao canh rau,
Muốn còn như trước dễ hầu được ru?
Ôm bọc giận nghìn thu hãy để,
Được một ngày cam chỉ cho xong.
Cho hay gia hiếu khôn cùng,
Dẫu tám-công chẳng đổi lòng thần hôn.

NHỊ-THẬP TỬ-MIẾU

X

Chú-thích. — Thầy Tử-Lộ là học-trò đức Khổng, tên chính là Trọng-Do, hai chữ « Tử-Lộ » là tên tự. — Canh lê là canh rau. Lê là một thứ rau để nấu canh. — Hoa-biểu là cái cột đá làm ghi ở trên mộ; hạc tức là cái hồn của người xưa về đậu ở đó. Câu này nguyên lấy ở câu thơ chữ Hán: « Nguyệt minh hoa-biểu hạc qui trì; » Chủ-ý là nói bố mẹ thầy Tử-Lộ đã qua khuất. — Nam-du là đi chơi về phương nam. Khi đó ông Tử-Lộ sang nước Sở, đối với nước Lỗ là phương nam.

— *Xe trăm cỗ* là nói sự đi ra đường thật sang-trọng. Đời xưa mỗi cái xe đóng bốn con ngựa, gọi là *một cỗ*. — *Thóc muòn chung* là nói lương ăn cao. Đời xưa phát lương bằng thóc, muòn chung là lương hàng quan to. Mỗi một *chung* đựng 6 hộc 4 đấu. — *Vạc* là cái đồ để nấu ăn của nhà phú quý. *Trùng* nghĩa là không những một cái. — *Cam* là ngọt, *chỉ* là ngon, là nói những thức ăn của người con hiếu nuôi bố mẹ. — *Tam-công* là hàng quan to nhất trong triều. *Thần* là sớm, *hón* là tối; sớm tối thăm viếng, là nói cái đạo người con hiếu thờ kính bố mẹ. Câu này nguyên lấy ở hai câu chữ Hán: « *Cỗ nhân nhất nhật dưỡng, bất dĩ tam công hoán* », nghĩa là: người đời xưa được một ngày nuôi bố mẹ, không vì chức Tam-công đổi lòng. Hai chữ « *một ngày* » ở câu trên cũng là lấy từ đây.

X

Giải nghĩa. — Đây cũng là một chuyện trong Nhị-thập-tứ-hiệu. Vì trên chuyện này có chép chuyện ông Mẫn-Tử là người nước Lỗ, cho nên ở câu đầu đây nói là « *cũng người nước Lỗ* ». — Từ câu thứ hai đến câu thứ tư, là tả cái cảnh nhà nghèo, chỉ lấy tấm lòng hiếu thảo và chút công-phu để thờ phụng bố mẹ mà thôi. — Từ câu thứ năm đến câu thứ tám, nói hai bố mẹ đã qua khuất mà cái thân ông Tử-Lộ mới phú quý hiển vinh. Mấy câu cực tả cảnh phú quý, chính là chiếu lên cái cảnh nghèo ở mấy câu trên, hình dung hai cảnh trái hẳn nhau, để cốt nói cái mối thương-tâm của người hiếu-tử. — Hai câu thứ 9, thứ 10, tiếp luôn cảnh phú quý mà nói cái bụng người hiếu-tử chính khác người ở chỗ phú quý mà đau. — Hai câu 11, 12, lại nhắc lại cái cảnh bần hàn mà thích thực chữ « *đau* » ở câu trên vậy. — Hai câu 13, 14, thừa cái nghĩa đau đớn mà nói ba-lan ra, cho tỏ rằng trong cảnh nghèo bần mà chưa hẳn không là hạnh-phúc. — Hai câu sau chỉ

là lời kết, nói đại để bụng người hiếu-tử coi luân-thường
quí hơn phú quí mà thôi.

X

Phê bình. — Toàn quyền Nhị-thập tứ hiếu, nguyên là
văn tả tình. Trong mỗi bài, có một phần câu thuộc
là văn tự-sự, là cần phải dẫn nói sự-tích, cho người
đọc biết chuyện của cổ-nhân như thế, thời rồi mới rõ
cái tình-hoài hiếu-tử là như sao. Những câu tự sự cần
phải có, cái hay thời ở chỗ rút tắt. Như mấy câu đầu
trong bài này, nếu phải là tay non chép, tất có chữ
nhà nghèo. Đây chốn hẳn chữ *nghèo*; câu thứ hai nói
luôn là « *thờ hai thân từng bữa canh lẻ* » tự đủ thấy
là nghèo mà lời văn rất lịch-sự. Xuống hai câu ba, bốn :
« *Hằng khi đôi gạo đi về, xa xôi trăm dặm nặng nề
đôi vai* », vẫn là tự sự mà cũng là tả tình; lại khiến
cho người đọc chuyện yên nhận đó là một cảnh cùng
khổ, biết đâu sau này cái thân phú quí muốn lại như
thế mà không được ru? Càng nén xuống bao nhiêu
mà cái giá trị của sự hiếu-dưỡng càng cao lên bấy
nhiều, thực là tả tình một cách rất thấm-thía. Hai câu
5, 6, vừa truyền, vừa tả thực, mà vẫn không chịu kém
lời văn. Hai câu 7, 8, cực tả cái cảnh phú quí, càng
lên bao nhiêu mà càng thấy là không có nâng giá-trị
bấy nhiêu. Hai câu 9, 10, hoàn toàn là tình, lời văn
cũng hết sức cân lạng. Nguyên lối song thất lục - bát,
hai câu lục bát đã không đối, thời hai câu song thất
nên có đối mới là phải. Như hai câu này đối thật chỉnh,
thế mới hợp với thể văn ấy. Từ câu 11 giở xuống,
lấy chính - ý thu lại làm kết, suy cái tâm - sự ông Tử-
Lộ mà nói rộng đại - phạm bụng người hiếu - tử xưa
nay như thế, lời văn bình - thường mà ý thực rồi-rào.
Trong toàn bài, duy có hai chữ « *cho xong* » ở câu
thứ 14, hoặc là chữ *hơn không* mà sự in có làm
chăng? Nay không dám biết rõ.

Tản-Đà NGUYỄN KHẮC HIẾU

ĐIỆN THOẠI



Điện-thoại là gì ? tức cũng là một thứ dụng-cụ giao-thông rất mới lạ, rất thần-tinh, nhờ làn điện chuyển động mà có thể truyền được thanh-hưởng từ chỗ nọ đi chỗ kia, miễn là có giây điện nối đến đâu thì thanh-hưởng truyền đi được đến đấy. Một ông chủ nhà buôn ở chỗ này nói chuyện với một ông chủ nhà buôn ở chỗ khác, một ông quản-lý nhà máy ở nơi nọ truyền bảo mệnh-lệnh cho một người mại bán ở nơi kia hay một nhà thầu-khoán, một nhà đồn-điền muốn biết tin-tức về công việc mình ở một nơi nào xa lạ, đường đi cách-trở hàng một hai trăm ky-lo-mét, thư-từ gửi phải mất một vài ngày mới tới, đánh giây-thép cũng phải mất năm bảy giờ đồng-hồ. xe hỏa xe hơi cũng không sao trong chốc-lát mà đã đi tới nơi ngay được ; trong những lúc ấy mà nói xong ngay được câu chuyện, điều-đinh xong ngay được công việc, truyền bảo ngay được mệnh-lệnh cho người

làm, biết rõ ngay được tin-tức mà trừ tính việc mình thì ai còn có phép thần thông gì hơn được điện thoại nữa.

Ở cái thời-đại kinh-tế cạch-tranh gớm-ghe kịch-liệt này, phàm muốn mưu sự tiến-bộ cho công-nghệ thương-nghiệp trong một nước, thứ nhất là phải chú-trọng về sự giao-thông. Giao-thông càng tiện-tiếp thì công-nghệ thương nghiệp tiến-bộ càng được mau ; mà cái trình-độ công thương phải chỉnh-bị cho được hoàn-thiện lên chừng ấy.

Các nước bên Âu Mỹ bây giờ, chẳng nói thì ai cũng biết là công-nghệ thương-nghiệp tiến-bộ thật là mau chóng, mà cái cơ tiến-bộ còn chưa biết đến thế nào là cùng ; trong đó có nhiều nguyên-nhân, mà giao-thông tiện-tiếp tức là một cái nguyên-nhân rất lớn ; không những xe hỏa, tàu thủy, bưu-tín, điện-báo là những cái dụng cụ giao-thông tự người ta đã coi làm cũ-kỹ, nhưng đối với mình thật

còn phải chịu là phép tiên thuật quỷ phù-hộ cho công-nghiệp thương-nghiệp rõ thiêng-liêng mầu nhiệm biết là chừng nào, mà từ khi có cái máy điện-thoại phát-minh đến giờ, bao nhiêu những chỗ đô hội tỉnh-thành, công thương phần thịnh, đâu cũng thấy đường điện thoại chằng ngang chằng dọc như mắc cửi, nhà nào cũng có một cái máy điện-thoại, thậm đến mỗi người mỗi có cái máy đeo tay; cứ coi cái tổng số những máy điện-thoại trong thế giới mới kể đến ngày 1^{er} Janvier 1933 mà đã có tới 22.904.415 thì đủ biết cái công dụng điện-thoại lợi cho các dân văn-minh to rộng là nhường nào? Cũng cùng với sự phát minh vô-tuyến-điện cùng giúp cho người ta thêm được một thứ dụng-cụ giao-thông rất mới lạ, rất thần-tinh, làm cái động lực tiến-bộ cho công nghệ thương-nghiệp của cái thế kỷ thứ hai-mươi này vậy.

Một cái dụng-cụ giao-thông mới lạ thần tinh như thế mà nay người Pháp cũng đã đem dựng đặt ở

xứ mình, ngoài những tàu thủy, xe hỏa, bưu-tín, điện-báo, vô-tuyến-điện-báo không thiếu một thứ gì, trong khoảng mấy năm nay, đường điện-thoại lại một ngày một thêm mở rộng; hiện thời những chỗ tỉnh-thành đô hội lớn đều có máy điện thoại cho công-chúng được dùng; người mình thật đã được lợi-dụng đủ các thứ dụng-cụ giao-thông của các dân văn-minh nhờ về đó mà nên giàu nên mạnh. Vậy ta không thể đừng được không tự hỏi ta rằng: công-nghệ thương-nghiệp của ta, từ nay trở đi, liệu có thể nhờ về những cái lợi-khí giao thông ấy mà theo chân nổi gót của người Âu Mỹ được không?

Trước khi trả lời câu hỏi đó thì ta phải biết rằng những cơ-quan giao-thông vốn là cái trợ-lực cho công-nghệ thương-nghiệp trong nước mau tiến-bộ, mà cái chủ-lực cốt tại người biết lợi-dụng những cơ-quan ấy mà ra sức tiến-hành. Xét cái tình trạng công thương của người mình bây giờ vẫn chưa thoát khỏi cái thời-

kỳ ấu-trĩ ; trong một thành phố chưa thấy được mấy cái công-xưởng to, mấy cái thương-điểm lớn của người mình, có thô-sản mà không biết cách tiêu-lưu, có nguyên-liệu mà không biết đường chế-tạo, thương-phẩm trong hoàn-cầu không mấy người biết cho được đích-xác, thị-trường trong thế giới không mấy người hiểu cho được tinh tường, không duy-trì được tín-dụng, không tổ-chức được đoàn-thể, không tập hợp được tư-bản ; những cái ác-tập hư-ngụy, phù-táo lừa-bịp, cầu thả, nhút nhát, giảo trá của người mình đều trái hẳn với cái tính-chất doanh-nghiệp của nhà công thương Âu Mỹ : ngay ở trong nước mình mà những sự sản lớn lao, những cơ đồ giàu có cũng phần nhiều vào trong tay bọn Kiều-thương mất cả ; té ra những dụng cụ giao thông của người Pháp kinh doanh lần lượt ở trong xứ mình không một cái gì thiếu, mà kỳ thực người mình có lợi dụng được chút nào đâu.

Nay muốn lợi dụng được

những cơ quan giao thông ấy mà kinh doanh được những cái sự sản lớn lao, gây dựng được những cái cơ đồ giàu có về phần mình thì ta phải cố bài trừ những cái ác tập của ta nó đã làm trở hại về đường doanh nghiệp từ xưa đến giờ, mà bắt chước cái cách thành thực, cần mẫn, kiên nhẫn, cẩn thận của các nhà công thương Âu Mỹ, rồi cũng duy trì được tín dụng, tổ chức được đoàn thể, tập hợp được tư bản như người, cũng quản trị được những công xưởng to, mở mang được những thương điểm lớn. Đến khi ấy thì quốc dân mình mới gọi là có đủ cái tư cách doanh nghiệp, những cái sự sản lớn lao, những cái cơ đồ giàu có không đến nỗi chuyên nhượng cả cho bọn Kiều-thương, những cái cơ quan giao thông ấy mới thật đến tay mình lợi dụng được, họa may có thể theo đòi được người Âu Mỹ, nhờ về giao thông tiện tiếp mà công nghệ thương nghiệp tiến bộ được mau chóng.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

NÉT MỤC XƯA

BÀI HÁT KỂ DƯỞNG ĐẤT NƯỚC NAM

Vô Danh thi



Năm châu quanh mặt địa cầu,
Á châu nhớn nhất, Mỹ châu thứ nhì.
Châu Âu, châu Áo, châu Phi,
Mỗi châu mỗi giống, sắc chia dành dành.
Giống vàng giống trắng tinh anh,
Giống đen giống đỏ giống xanh ngu hèn.
Cuộc đời là hội đua chen,
Giống hay thì sống, giống hèn thì xa.
Lạc Hồng là tổ nước nhà,
Nước non từ trước vẫn là Đại - Nam.
Lịch niên (1) hơn bốn nghìn năm,
Hoàng dân (2) phóng độ một trăm ức người.
Ba mươi sáu tỉnh chạy giải,
Năm trăm phủ huyện trong ngoài hai Kinh.
Thăng - Long là đất Hà-thành.
Lý, Trần, Lê đóng triều đình ở đây.
Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Sơn-Tây,
Thái-Nguyên, Thành-Lạng, Lao-Kay, Cao-Bằng.
Hưng-Yên, Nam-Định, Bắc-Ninh,
Hải-dương, An-Quảng, gần quanh Hai-phòng.
Tiện thay sông Nhị một dòng,
Thuyền xuôi, lái ngược, dầu lòng (3) thanh thoi.
Tản-viên, Tam-đảo ngất trời,
Rừng ngang một dải liền mười sáu châu.

1) Lịch là trái, niên là năm

2) Hoàng là vàng, hoàng dân là dân da vàng.

3) Dầu lòng là mặc sức, tha hồ.

Đồng Tụ-long (4), thiếc sông Ngâu (5),
 Tiền rừng bạc bề dể đâu xanh tầy.
 Phủ Thừa Thiên cách nước mây (6),
 Trấn xưa Thuận Hóa, ngày rày Hoàng kinh.
 Ngoài thì Quảng-Trị Quảng-Bình,
 Trong thì Quảng-Ngãi với thành Quảng-Nam.
 Qua Ba Rội lại đèo ngang,
 Ninh Bình, Hưng Hóa, Nghệ An cũng gần.
 Xa xa giã núi Hải-vân,
 Nay Bình-Định, trước Qai-Nhơn đó mà.
 Phú-Yên, Bình-Thuận. Khánh-Hòa,
 Định Tường đứng giữa Biên Hòa, Vĩnh Long.
 Cửu Long sông nước mênh mông.
 Thành Gia-định ấy là trong Saigon.
 An-Giang một tỉnh con con,
 Hà-Tiên ngoảnh lại cũng non nước nhà.
 Cao Man giáp cõi bao xa,
 Kia Ai-Lao với Xiêm-la gần kề.
 Xem trong sáu tỉnh Nam-kỳ,
 Của nhiều ruộng lắm kém gì mọi nơi.
 Kỳ Quảng-Nam, quế Thanh-Hóa,
 Nghìn năm thiên bảo (7) vật hoa đâu tầy.

.

VÔ DANH

4) Tụ long là tên một cái núi về thượng du xứ Bắc-kỳ, có mỏ đồng tốt lắm.

5) Sông Ngâu ở về Thượng du xứ Bắc-kỳ, miền đó có mỏ thiếc.

6) Cách nước mây nghĩa là cách xa. Phủ Thừa-thiên nguyên xưa là trấn Thuận-hóa, đến triều Nguyễn đặt làm kinh đô.

7) Thiên bảo là của báu trời, vật; hoa là tinh hoa loài vật, tức là những sản vật quý báu trời sinh ra.

Hàn-lâm viện nước Pháp

Ai cũng biết ở Pháp có Hàn-lâm viện, là một cơ quan văn-học cao nhất trong nước. Các văn gia thi-sĩ nào có chân trong Hàn-lâm viện thì được tiếng tăm lẫy lừng, thiên hạ trọng vọng lắm. Bởi thế người Pháp mới gọi mấy ông Hàn-lâm là mấy ông «bất tử» (immortels). Tuy gọi rằng mấy ông là những vị «bất tử», nhưng mỗi khi có cụ nào qua cố đi, thì Hàn-lâm viện lại phải mở ra cuộc tuyển cử Hàn-lâm (élections académiques) để cho đủ số 40 luôn luôn. Trong cuộc tuyển cử ấy, các vị văn gia thi-sĩ cũng lo vận-động dữ lắm mới mong được cái chỗ ngồi «bất tử». thậm chí có vài vị văn-gia bị trượt xuống ba bốn lần mà cũng gắng công trì chí chờ khóa tuyển-cử khác để vận động cho được vào trong Hàn-lâm-viện mới nghe.

Mấy năm gần đây, cuộc tuyển cử Hàn-lâm không có vẻ gì náo nhiệt cho lắm, chứ hồi xưa kia về thời

đại Emile Zola, Victor Hugo, thì cuộc tuyển cử có phần sôi sảng nhiều.

Thử xem nhà thi-sĩ đại-danh là ông Victor Hugo mà cũng còn chịu lắm nỗi khó khăn mới được cử vào trong Hàn-lâm viện, đến nỗi vì sự tranh dành cái chỗ ngồi trong Hàn-lâm viện mà thi sĩ ta phải làm mất một ít cái tư cách cao thượng.

Châu chực lo lắng, vận-động trong bảy năm trời cho đến năm 1841, thi-sĩ Victor Hugo mới đắc cử vào Hàn-lâm viện.

Trước kỳ tuyển cử này, Tiên sinh đã bị thất cử đến bốn lần liên tiếp nhau. Lần này ông được 17 lá thăm, còn người tranh cử với ông là ông Ancelot (1) chỉ được có 15 lá thăm mà thôi.

Ông Ancelot sở dĩ có tên tuổi nhiều, là nhờ phu-nhân ông là bà Ancelot có cái sa lông văn học, được nhiều văn gia thi sĩ tới lui lắm.

Khi ông Ancelot đến ông Victor Cousin (2) để bàn việc

1) Nhà văn chuyên về bi kịch (1794-1854).

2) Vừa là nhà chính trị lại vừa là nhà bác học có soạn quyển sách du vrai du beau et du bien (1792-1867).

tranh cử Hàn-lâm-viện thì có đem theo một chong sách; ông Cousin biết học lực của bà Ancelot cao hơn Ancelot, mới nói với Ancelot rằng:

— Chắc ông có đề trong đồng sách của ông một phần sách của bà Ancelot đấy chứ?

Ông Ancelot cứng họng, không biết trả lời thế nào bên làm thỉnh. Độc-giả thử nghĩ cái tư cách của ông Ancelot thế nào?

Phương chi lúc bấy giờ, có vài ông Hàn-lâm xin cử mấy bà nữ-sĩ vào Hàn-lâm-viện như mấy bà George Sand, Ancelot, v.v.

Nhưng vì một lời nói của bà Girardin (1) mà việc thỉnh cầu trên đây không thành tựu được.

Hễ ai hỏi câu này:

Tìm ở đâu cho có 40 bà bất-tử (immortelles)?

Thì bà liền trả lời:

— « Ôi! Cái tiếng gì xấu xa vậy? Người ta sẽ gọi cái Hàn-lâm viện của quý ông là cái mào của những bà bất tử. Vậy thì thắm

đam thống-thiết lắm đó. Không có một vị phụ nữ nào sẽ muốn dự trong cái Hàn-lâm viện ấy hết ».

Vì vậy trong sổ tranh-cử của các nữ-sĩ không thấy có tên bà Girardin.

Tuy thế chớ các nhà nữ-sĩ bên Pháp cũng nhiều phen vận động cho được vào Hàn-lâm viện, nhưng cũng bị mấy ông Hàn-lâm gàn trở luôn luôn.

Duy có một lần bà Curie đến viện Hàn-Lâm khoa-học khởi luận cái vấn đề cho các nữ sĩ vào Hàn-lâm viện mà thôi. Do đó mới sinh ra cuộc tranh cử kịch liệt, nhưng bà Curie vẫn một mực cương quyết. Bà là một tay kiện tướng, tiếng tăm lẫy lừng trong khoa-học giới nước Pháp. tuy vậy về sau bà cũng không được vào trong Hàn-lâm viện và ông Branly (2) đắc cử thắng số hơn bà.

Cứ lấy những việc trên đây mà xét thì tình hình Hàn-lâm viện nước Pháp trước kia vẫn có vẻ náo nhiệt lắm. Luôn dịp đây chúng tôi

1) Là một nhà viết kịch và làm thơ giỏi (1804-1855).

2) Là nhà hóa học kiêm vật lý học (sinh năm 1846).

cũng xin thuật cho đọc giả biết căn nguyên của Hàn-lâm viện nước Pháp.

Người sáng lập ra Hàn-lâm viện là ông Richelieu, và ngày lập thành là ngày mồng 2 tháng giêng năm 1635.

Về sau, cuộc cách mạng mới dẹp Hàn-lâm-viện ấy đi, nhằm ngày mồng 8 tháng 8 năm 1793; về sau nữa, đến thời kỳ quân chủ, nó mới được dựng trở lại dần, dù vua Nã-phá-luâu không lưu ý đến cho lắm cũng chẳng hại gì.

Cách một ngày sau, hoàng đế lên ngôi thì các quan đình thần mới đến triều bái ngài, ngài bảo đưa ngài đi thăm Hàn-lâm-viện và một vài ông Hàn-lâm.

Có một điều mà phần nhiều người Pháp đều lấy làm lạ là có những vị văn gia thi-sĩ trứ danh đại tài như mấy ông Descartes, Pascal, Molière, Bayle, Jean-Jacques Rousseau, Diderot, Mirabeau, Beaumarchais, Chamfort, Paul Louis, Courier, Balzac, Laménais mà không có chân trong Hàn-lâm-viện, cứ lấy văn tài học lực của mấy vị ấy thì

thực xứng làm những vị bất-tử vậy.

Trái lại, những người nghịch của thi sĩ Victor Hugo như mấy ông Dupaty, Pierre Tissot, lại được vào viện Hàn-Lâm.

Đó là điều mà làm cho người Pháp nào có não phán đoán phải suy nghĩ, phải ngò vực, mà có lẽ cũng phải bất mãn nữa.

Có ít người Pháp cho rằng trong cuộc tuyển cử Hàn-Lâm vẫn có đem chánh trị xen vào trong, nên trong số mấy vị bất tử có những nhà chánh trị lẫn lộn ở trong mà những nhà chánh trị ấy lại không được đủ tư cách cho lắm.

Đáng tiếc thay cho cái danh dự của Hàn-lâm-viện nước Pháp đã vì một số người duy-kỷ mà phải lu lờ!

Xem thế thì không trách gì những cái cơ quan quý báu xinh đẹp ở nước ta phải mang tiếng chịu lời, ấy cũng bởi cái hạng người đê-hèn kia chỉ biết có mình mà không biết đến điều công ích, điền nghĩa vụ!

H. T. (Đ. N. N.)

VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

Thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ

(Tiếp theo số 19)

V. — MỪNG NGƯỜI LÀNG THƯỢNG THỌ 80

Nay mừng ông lão tám mươi,
Ấy dân Hoài, Cát hay người Đường, Ngu.
Nhớ như kịch nhường ca cù (2),
Thiếu quang chín chục, xuân thu tám nghìn (3)
Chẳng tiên ấy cũng là tiên.

* * *

VI. — VỀ CHỖN CŨ Ở VƯỜN BÙI

(Hát ả-dào)

Vườn Bùi chốn cũ,
Bốn mươi năm lần thân lại về đây.
Trông ngoài sân đua nở mấy chồi cây.
Thú khâu hác lăm tuyền (1) đâu cũng thế,

1) Hoài là đời Vô-hoài ; Cát là đời Cát-thiên ; hai đời về lúc thái cổ. người ta sung-sướng không phải lo nghĩ gì cả. Đường là đời Đường-Nghiêu ; Ngu là đời Ngu-Thuấn ; hai đời thịnh trị thái bình.

2) Kịch là đánh, nhường là cái trống đất. Ca là hát ; cù là ngoài đường ; ca cù là hát ở ngoài đường.

3) Thiếu-quang là ánh sáng mặt trời mùa xuân ; thiếu-quang chín chục là chín mươi ngày xuân. Xuân thu tám nghìn : Trong sách Trang-Tử nói : có cây xuân lớn, cứ tám nghìn năm mới kể là một mùa xuân của nó, lại tám nghìn năm mới kể là một mùa thu của nó. Thường dùng để ví với những người thọ.

1) Gò hang rừng suối.

Bành-Trạch cầm sông ngâm trước ghế (2),
 Ôn-công rượu nhạt chuốc chiều xuân (3).
 Ngọn gió đông ngoảnh lại lệ đầm khăn,
 Tình thương-hải, tang điền (4) qua mấy lớp.

Như lơ phơ tóc trắng lại làm chi.
 Muốn về sao chẳng về đi

* * *

VII.— UỐNG RƯỢU Ở VƯỜN BUI

Túy ông ý chẳng ham về rượu,
 Phỏng chừng đâu nước thấm với non cao.
 Non xanh ngắt, nước tuôn rào,
 Tôi với bác xưa nay đều thích thể.
 Đời trước thanh hiền cùng vắng vẻ,
 Có người say rượu tiếng còn nay.
 Cho nên say khướt cả ngày,
 Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng.
 Chu-bá-Nhân chưng thuở sang sông,
 Chỉ tỉnh được ba ngày không phải ít (5).
 Kêu, kêu thể, cười chi cho mệt,
 Ai muốn nghe tiếng hát làng say.
 Khuyên người hãy cạn chén này.

NGUYỄN KHẮC-HỒNG sao lục

2) Bành-Trạch là tên hiệu ông Đào-Tiềm về đời Tấn bên Tàu, thường gảy cái đàn không giây chơi.

3) Ôn-Công là ông Tư-mã-Quang về đời Tống bên Tàu, có câu thơ : tôn từu lạc dư xuân, nghĩa là chén rượu vui cảnh xuân thừa.

4) Bãi bờ nương dâu, nói bóng là : sự đời thay đổi không thường.

5) Ông Chu-bá-Nhân là một người cao-sĩ về đời Tấn bên Tàu, suốt từ lúc sang ở Giang-đông, chỉ trừ được có ba ngày là tỉnh, còn thì không ngày nào không say rượu.

C A T R Û

Bài này của cụ Huỳnh-thúc-Kháng (hiện đứng chủ-nhiệm tờ Tiếng-Dân ở Huế) làm trong khi từ bạn đồng chí tại ngục thất tỉnh Quảng-Nam mà đi Côn-Lôn :

X

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tiết gian nan ?

Đấng trượng-phu tùy ngộ nhi an (1),
Tổ hoạn nạn phải hành hồ hoạn nạn (2) !

Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,

前路定知天有眼
Thâm tiêu ưng hứa mộng hoàn gia (3) ;

深宵應許夢還家

Bấy nhiêu năm gẫm cũng chưa già,
Giang sơn ấy vườn chờ ta thêu dệt.
Cơn tu tán chẳng qua là tiểu biệt (4),
Ngựa tái ông họa phước biết về đâu (5) ?

Một mai con tạo khéo cơ cầu,
Người bốn biển cũng trong bầu trời đất cả.

1) Tùy ngộ nhi an là tùy cảnh ngộ mà yên.

2) Nghĩa là gặp cảnh hoạn nạn phải làm theo trong cảnh hoạn nạn.

3) Nghĩa là về con đường trước mắt tức là về sau này biết hẳn là trời cũng có mắt. Vả tuy đi xa mà đêm khuya cũng mộng thấy được về nhà.

4) Tiểu biệt là sự ly biệt nhỏ.

5) Chuyện ngụ ngôn trong sách Hoài-nam-tử : ông già ở ngoài cửa ải mất ngựa, nói : Biết đâu thế chẳng là phúc. Sau con ngựa ấy dắt con ngựa tốt khác về, ông già nói : Biết đâu thế chẳng là họa. Sau người con ham cưới ngựa bị ngã què chân, ông già nói : Biết đâu thế chẳng là phúc. Sau có giặc, người con vì què khỏi phải chêt trận như kẻ khác. Đại ý nói có việc họa mà trở thành phúc.

U bách niên trung tu hữu ngã (6),

於 百 年 中 須 有 我

Dầu cho bề cạn, sông khô, trời nghiêng, đất ngã,
Tấm lòng này tạc đá chớ sai mòn,
Trăng kia hết khuyết lại tròn.

Kh. S. sao lục

LÒNG AI!

(Song thất lục bát)

Bến sông Vị bao phen gặt lệ,
Chân non Côi mấy độ chia tay.
Tình buồn đến cả cỏ cây,
Cảnh buồn đến cả lòng này lòng ai!
Tuyết sương gọi phôi pha gan đá,
Nắng mưa phơi tàn tã ruột bìa.
Lòng ai, đá nọ, bìa kia!
Lời thề năm trước còn ghi chẳng là.
Chả mấy chốc năm qua tháng lại,
Đôi ta cùng bạc mái đầu xanh.
Mình thì về chốn Nam-thành,
Còn ta lẻo đẻo một mình phương xa.
Lời thề trước thôi là lỡ dở,
Ôi tình trường trắc trở chi nhau.
Lệ rơi lấy áo mà lau,
Gan khô ruột héo cho nhau thứ gì?

TRỌNG-QUYỀN

6) Nghĩa là ở trong trăm năm phải có ta.

CÙNG CÁC NGÀI ĐÃ GỬI BÀI ĐĂNG BÁO...

Trong bạn đọc-giả có nhiều Ngài đã gửi cho chúng tôi lắm bài có giá trị; chúng tôi đa tạ tấm thịnh tình ấy và xin nói với các Ngài rằng: những bài ấy sẽ thế nào cũng lục tục đăng dần; giám mong các Ngài vui lòng chờ đợi. Cảm ơn lắm.

TRẢ LỜI CHO ÔNG CHẤT-HẰNG
VỀ BÀI PHÊ BÌNH QUYỀN

NHỮNG ÁNG VĂN HAY

Văn-Học tạp-chi số 20, ra ngày 1-7-33, có hai bài nói đến tôi. Trong «*một bức thư cùng các bạn quen biết*», ông Nguyễn-khắc-Hiếu có nhớ tới người đã phê-bình ông ở Phụ-nữ tân-văn ngày nọ, mà đề tình hạ cổ. Trong bài bình phẩm «*Những áng văn hay*», của Nam-Ký thư-quán xuất bản, ông Chất-Hằng cũng đem tôi ra mà chỉ-trích nhiều điều.

Đối với tấm lòng tri-ngộ của nhà thi-sĩ, tôi xin có lời cảm tạ.

Đối với những sự chỉ trích của nhà phê-bình, tôi xin cũng đáp lại sau đây.

Sách «*Những áng văn hay*», tôi không có dự gì vào sự biên tập cả. Tôi cũng như những nhà văn khác, được ông Nam-Ký xin trích lục những bài của mình đã đăng báo để liệt vô «*Những áng văn hay*». Trước những lời khẩn thiết của bạn, tôi không lẽ chối

từ. Thế là văn tôi bị trích mà in vào sách đó. Ngoài những bài đã viết ở P. N. T. V. mà đề tên tôi ở dưới sau khi trích-lục, tôi không có viết thêm gì khác nữa. Bài tựa không phải của tôi làm mà bài phê-bình ông Phan-Khôi cũng không phải tôi viết.

Đã thế thì sự xếp đặt nếu không có trật tự đàng-hoàng, sự lựa chọn nếu không được tinh tường lọc-lỗi, tôi không phải chịu trách nhiệm thay cho ông Nam-Ký được.

Phần tôi chỉ xin trả lời những điều ông Chất-Hằng chỉ trích riêng tôi mà thôi.

Ông chỉ trích tôi những gì?

1./ Ông chỉ trích tôi sao được trách ông Phạm-Quỳnh ra làm chánh-trị.

2./ Ông chỉ trích tôi sao chỉ chê mà không biết khen Niên-lịch thông-thư của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (vì theo ý ông thì nó cũng có chỗ đáng khen).

3./ Ông chỉ trích tôi trách ông Nguyễn-văn-Vĩnh sao không dùng tờ báo quốc-văn mà cổ động cho cái thuyết trực-trị của ông.

4./ Ông lại chỉ trích tôi sao không muốn cho ông Tản-Đà ra ngoài cái địa-vị một nhà thi-sĩ.

Điều thứ nhất đã có người chỉ trích tôi trước ông. Người đó là ông Lê-Dương. Ông Lê-Dương cũng nói ông Phạm-Quỳnh là một nhà hữu vi học giả, dầu viết văn, dầu dịch sách, dầu ra làm chánh trị, cũng chỉ là muốn theo đuổi cái mục-đích ích-quốc lợi dân mà thôi. Những điều tôi đã trả lời cho ông Lê-Dương, nay xin đem ra nói lại với ông Chất - Hạng. Tôi nói : Ông Phạm - Quỳnh vốn vẫn thờ một cái quốc-gia chủ nghĩa. Cái chủ nghĩa đó ông đã thiết hành ra ở trên đường văn hóa, đem cái sở tri sở thức của mình mà giác ngộ cho dân chúng đồng - bào. Cái công việc ông làm đó hợp với cái sở trường của ông, mà cái địa-vị ông ở trên đài văn-học nó cũng hợp với cái tư cách của ông nữa.

Song ra làm chánh trị thì lại khác. Sai khiến ngọn bút ở trên tờ giấy thì dễ, mà sai khiến người ta trên trường chánh trị thì khó. Cái địa vị trong làng văn thì êm đềm thú vị mà lối đường đi trong chánh giới thì trắc trở nghiều khê.

Ông Phạm-Quỳnh nhiều học-vấn hơn kinh-nghiem, giỏi lý-thuyết hơn thiết-thành, thì cái sự ông ra làm chánh trị chưa chắc đã khiến cho ta được lạc quan như cái công việc của ông đối với văn-học nước nhà. Huống cụ thượng Phạm nay đã vào Huế làm việc thì ông Phạm-Quỳnh nay cũng không còn ở lại Hanoi, mà làm chủ-bút Nam-Phong.

Nam-Phong vì vậy mà kém hay hơn trước, ta há không có quyền than tiếc lắm ư?

Điều thứ hai, nói về cuốn Niên-lich thông-thư của ông Vĩnh, ông Chất-Hạng trách tôi chỉ biết chê những sự dị đoan toán số trong sách mà không biết tới những cái thường thức phổ thông ở trong nó giúp ích

cho dân quê cũng nhiều.

Tôi phê bình là phê bình ông Nguyễn-văn-Vĩnh chứ không chủ riêng gì một quyển Niên-lịch thông-thư.

Tôi đã nói nhiều về những việc hay, chuyện phải của ông, chẳng cần gì phải kiếm ở Niên-lịch thông-thư mới có điều đáng khen lao tán tụng. Huống chính cái thứ sách hàng năm đó thiết tình không có chỗ nào khen được. Một bức thư ông lưu trí thức, tây học xuất thân, ai đời lại đem những chuyện bói toán quàng xiên, di đoan nhảm nhí mà rắc độc cho dân quê. Đã đánh những sự mê tin đó, chẳng cần có ông Vĩnh mà các làng xã đã đầy rẫy ra rồi. Song có niên-lịch của ông vô, thì người ta lại vui theo đó mà nói được: « Đại thứ những người học thức như ông Vĩnh kia mà còn tin thay, huống nữa là chúng ta. Có tin có lành, có xem ngày giờ mới khỏi hư chuyện ».

Đó cái ảnh hưởng của hạng trí thức đối với quần chúng mà như vậy, nên

hay hư, xin đề cho ông Chắt-Hằng và độc-giả lượng xét.

Song lại nói ngoài cái phần di đoan còn có một phần nói tới những điều phổ thông thường thức ở trong Niên-lịch thông-thư, thì cái phần đó há không đủ gánh được phần kia ư?

Sách gì mà lại phải chia ra làm hai phần: phần hữu hại, phần hữu ích, rồi để phần này phá đời, phần kia dạy đời, cho cân phân sao?

Dạy cho người ta cách làm nhà, rồi lại bảo người ta phải xem ngày giờ mà cất, mua sồi thịt mà cúng, như vậy chẳng phải là phiền phức kỳ khôi lắm ư?

Thiếu gì cái mà phải lợi dụng cái lòng mê tin của người ta để truyền bá những điều phổ thông thường thức!

Ông Vĩnh in Niên-lịch thông thư chẳng bao giờ có sự lợi dụng đó Ông cho những sự toán số vẫn có những nguyên lý cao thâm của nó nên phải bảo tồn. Cái kiến giải của ông là như vậy. Mà cái kiến giải đó là sai lầm nguy hiểm, chẳng

lấy lẽ gì mà bào chữa được hết.

Điều thứ ba, nói tới sự dùng báo quốc văn mà cổ động cho cái chương trình trực trị của ông Nguyễn văn Vĩnh, chẳng phải là tôi không biết cái tình thế của báo giới quốc âm mình đâu?

Tôi chẳng muốn khuyên ông Vĩnh đem hết tờ báo Annam Nouveau mà dịch ra Trung Bắc Tân Văn. Tôi chỉ muốn ông Vĩnh sẽ nói những điều có thể nói được trên tờ báo quốc ngữ của ông để cho phần đông dân chúng biết đại khái cái chương trình trực trị có những gì đề, nếu có nên ra thì sẽ làm hậu thuẫn cho ông mà thôi.

Nói cho phải thì Annam Nouveau ra đời đã được mấy năm nay mà phần nhiều quốc dân cũng không biết cái thuyết trực trị của ông là gì cả. Ra làm chánh-trị chẳng phải chỉ qui ở sự thành công, mà phần lớn còn cần ở sự truyền bá. Muốn truyền bá phải cần có một cái lợi khí phổ thông là tờ báo quốc-ngữ. Cái lợi khí đó ông đã không dùng

tới, nên sau khi đã thất bại trên trường chánh trị, cái chương trình của ông chẳng còn lưu lại được chút gì giữa quốc dân.

Điều đó, há không phải là điều đáng tiếc ư?

Điều thứ tư, nói tới ông Nguyễn khắc-Hiệu, ông Chất Hằng chê tôi sao không muốn cho ông Nguyễn ra ngoài cái địa vị một nhà thi sĩ.

Ông Tản-Đà muốn làm gì thì ông làm, tôi muốn hay không muốn cũng không được. Nhưng tôi đã tìm ở ông có những tư cách đặc biệt cho một nhà thi sĩ. Những tư cách đó phải ở cái địa vị đó mới phát triển ra được một cách hoàn toàn thú vị. Song nếu ngoài cái địa vị đó ra mà ông cũng bôn tẩu theo nghề làm báo, tranh đua trên trường ngôn luận như a thì ông sẽ không thành công được như người mà lại tự diệt mất những nguồn thi cảm quý báu ở ông nữa.

Lời nói trúng hay trả thi-sĩ Tản-Đà có lẽ cũng đã biết cho. Chẳng thế, sa mới đây trên *Tạp-chí Văn Học* này, chính ông đã nói

đến tôi rằng: « Trong lúc vô liêu tôi lại nhớ đến những lời nói của người bạn xa là ông Thiệu-Sơn mà nghĩ rằng: nếu được như lời ông, sống sinh nhai bằng nghề thơ, sau lúc chết có người chỉ mộ nói: ấy là mồ thi-sĩ! Đời như vậy chẳng là đáng đủ lắm ru.?»

Ông Chắt-Hằng công kích tôi có lẽ chỉ vì muốn cho có chuyện mà nói, chứ trước đây tôi đã có thấy ông làm một cái tử-hiệu-luận giữa Phan Khôi và Nguyễn-khắc-Hiếu (1), trong đó ông có đồng ý với tôi về nhiều chỗ mà nay ông lại phản đối lại tôi.

Chính ông đã viết: « Cái đặc sắc nhất của Khắc-Hiếu là một bộ óc lãng mạng, bộ óc của một nhà thi-sĩ vậy. Với bộ óc viễn vông như vậy mà cầu lấy sự thực tế và sự qui củ thì thật khó mà có được. . . thật thế, Khắc-Hiếu là và chỉ là một nhà thi-sĩ . . . »

Thích sống ở giữa cảnh núi cao rừng rậm, khe phách, suối đàn, lại chan chứa

tình cảm, giàu sự cảm giác về cái « bản ngã », thật là có đủ những đức tính nó cấu tạo nên một nhà thơ chân chính, huống hồ lại thêm óc mơ màng bỏ cảnh thực trước mắt mà quanh quẩn trong cảnh mộng . . .

Ở các nhà thi-sĩ Tây phương, như Lamartine hay Alfred de Musset thì chữ tình, cái nguyên tố của thơ, là cái tình thật, cái tình ngây ngất triền miên vì người yêu có đủ cả « thịt lẫn xương » (*en chair et os*), mà ở Khắc-Hiếu thì là cái tình đan diu với người trong mộng vãn. vãn. . . »

Sau khi đã trích mấy đoạn văn đó của ông Chắt-Hằng, xin lại trích ra một đoạn ở bài phê bình cũ của tôi.

Tôi đã viết :

« . . . Cái đặc sắc trong người Tiên - Sinh (Tản - đà) là cái tình. Cái tình nặng, cái tình sâu, cái tình cùng với nước non cây cỏ mà dung hòa hóa vận, cái tình cùng với thể đạo như tâm mà nên giọng chua cay.

Tản-đà Tiên-Sanh là một nhà thi sĩ vậy. Ông đã có cái khí tiết thanh cao, lại

(1) Xem Văn Học tập chí số 16, 17 và 18

có cái tâm hồn lãng mạng ; ông đã có cái tình tình đã cảm lại có cái cây viết nên thơ. Lamartine người ta đã từng gọi là « thơ sống » thì ông Tản-Đà cũng có thể gọi là « người thơ » Duy khác là Lamartine đã từng phải ngáy ngất trong cõi tình trường, triền miên trong vòng thương nhớ mới nẩy ra cái giọng bi thiết tiêu tao. Mà ông Tản-Đà chỉ đan diu với người trong mộng, bắt tình với kẻ dẫu dẫu, rồi cũng thương, cũng nhớ, cũng biết, cũng lý, cũng nẩy lên những áng văn đậm đà tình tứ, khiến đọc giả phải yêu ông, mến ông, vui ở cái đời mộng ảo của ông mà cùng ông khăng khít biết bao tình . . . »

Sau khi đã đọc mấy đoạn văn đó, tôi tưởng ai cũng đều thấy rằng ông Chất-Hằng đã đồng ý với tôi trong sự phê bình thi-sĩ Tản-Đà. Chẳng những đồng ý mà hình như ông có mượn luôn cả một vài cái danh từ tôi đã dùng để nói những cái mà ông muốn nói như tôi nữa.

Tôi rất lấy làm mừng lòng rằng cái óc phê bình

nay đã thấy xuất hiện ra ở văn-giới Việt-Nam, nhờ đó mà văn học mới có cơ tiến-hóa.

Cái tỉ hiệu luận của ông Chất-Hằng chính là một cái chứng cứ cho ta thấy được cái hiện tượng khả quan đó.

Song trong bài phê-bình « Những áng văn hay », ông Chất-Hằng đối với tôi đã chỉ trích nhiều chỗ không được sắc đáng, tôi trả lời mà chẳng ưng bụng chút nào.

Ông nói tôi nhờ mấy bài phê bình nhân vật ở P. N. T. V. mà chinh phục được chút vinh dự ở trong Nam.

Cái chút vinh dự đó tôi chẳng bao giờ lấy làm tự đắc mà trái lại không lúc nào tôi chẳng nơm nớp lo sợ về nổi danh không xứng thực.

Cái lo sợ của tôi, mong rằng cũng là cái lo sợ của ông cùng là của hết thầy các bạn trong làng văn, làng báo.

Phải bỏ được cái bụng hiếu danh mà lo tới cái trách nhiệm ngòi bút thì công việc ta làm mới mong có bổ ích đến sự học biết của đọc-giả quốc-dân.

THIẾU-SƠN

BẢN NỮ THẦN DÂN GIẢI

XIX

- Thôi thì thôi vườn xuân chực khóa (1).*
168. – *Giận những loài nhạn cá ỏi tai (2).*
Thôi thì vườn khóa then cài,
170. – *Lắp giòng lá thắm, (3) ngăn loài chim xanh (4)*
Nỡ nào để hồng ngâm chuột vọc,
172. – *Nỡ nào để hạt ngọc ngâu vầy (5).*
Quyết gan chờ kẻ cân đai (6),
174. – *Sớm trưa đành phó mặc nơi thanh hoàng (7).*
Ngựa Long tôn gặp chàng Bá nhạc,
176. – *Ngọc Kinh sơn gặp được Biện hòa (8).*
Nước non kia hẳn chẳng già,
178. – *Nhân duyên kia định cũng đã có nơi.*
Còn hân vi biết ai hay giờ,
180. – *Trải phong trần biết rõ khá hèn.*
Hễ là vận đến thì nên,
182. – *Giàu sang cũng có, nhân duyên cũng mau.*

Đoạn XIX (câu 168 - 182)

THÔI THÌ QUYẾT KIÊN GAN CHỜ ĐỢI; NỖ NÀO CHỊU KHUẤT
THÂN VỚI KẺ PHẠM PHU. BAO GIỜ GẶP NGƯỜI VỪA LỬA XỨNG
ĐÔI, KHI ĐÓ SẼ VẦY DUYÊN CÁ NƯỚC.

(1) *Vườn xuân chực khóa*: Thân người con gái khác
nào như đóa hoa thơm, giữ không cho ai sớm sở đến
mình, cũng như khóa kỹ vườn xuân, không cho ong
bướm châu chóc dễ đến nổi hoa tàn nhị rữa. Truyện Kiều
cũng có câu: *khóa vườn xuân để đợi ngày đào non.*

(2) *Nhạn cá ỏi tai*: Tin đi mỗi lại, ỏi tai khó chịu với những tiếng gheo nguyệt chêu hoa (xem lời chú giải ở câu: *có đầu mà nhận cá gửi chim*).

(3) *Lắp giòong lá thắm*: Do tích xưa có người cung nữ đề một bài thơ vào chiếc lá thắm thả xuống giòong nước ngự câu. Chiếc lá ấy trôi ra ngoài có một người học trò nhặt được. Sau hai người đó gặp gỡ thành vợ chồng với nhau. Lắp giòong lá thắm ý nói tuyệt không tin đi mỗi lại với ai cả.

(4) *Ngẩn loài chim xanh*: Do tích xưa bà tiên Tây vương-mẫu sai con chim xanh đem thư đến cho Đông phương Sóc. Ngẩn loài chim xanh ý nói không có chao đổi thư từ với ai. Truyện Kiều cũng có câu: *Cạn giòong lá thắm, dứt đường chim xanh*.

(5) *Hồng ngâm chuột vọc, hạt ngọc ngâu vầy*: Thân người con gái đẹp cũng ví như trái hồng ngâm, như viên ngọc báu; nếu lấy phải người chồng không xứng đáng thì khác nào như hồng ngâm mà để cho chuột vọc, hạt ngọc mà để cho ngâu vầy.

(6) *Kẻ cân đai*: Kẻ thi đỗ làm quan hiền đạt.

(7) *Thanh hoàng*: Thanh là xanh, hoàng là vàng. Lá cây mới còn xanh, sau thì vàng, lúc xanh lúc vàng tức là khi sớm khi muộn.

(8) *Long-tôn là tên con ngựa rất hay*. Bá-Nhạc là người xem ngựa sành có tiếng đời xưa. Ngọc sản ở núi Kinh-sơn là thứ ngọc rất quý. Biện-hòa là người xem ngọc tinh lắm, tìm ra được thứ ngọc ở núi Kinh sơn. Hai câu này ý nói tài sắc của mình gặp được người biết tới.

Câu 175-182 ý nói hễ có người biết tới mình thì hẳn là có nơi xứng đôi vừa lứa, cùng hưởng giàu sang.

XX

Phượng chấp cánh hầu còn đợi gió,

184. - *Rồng sinh răng cũng độ lên mây.*

- Trăm năm (1) có phải một ngày,*
 186.-*Ôm cầm lựa khúc so giây cho vừa (2),*
Nên kết tóc xe tơ (3) cho phải,
 188.-*Đáng văn nhân tài tử mới trao.*
Ngọc lành còn đợi giá cao ;
 190.-*Rồng còn cuộn khúc ở ao đợi thì (4).*
Muộn thì muộn, muộn thì càng chắc,
 192.-*Khó thì khó, khó chẳng lụy ai.*
Giận duyên nói bấy nhiêu lời,
 194.-*Ai khen cũng mặc, ai cười mặc ai.*

●
Đoạn XX (Câu 183-194)

BÂY GIỜ ĐÀN HỮU PHẢI GIỮ CHỈ ĐỢI THỜI, CHÚ VIỆC KÉN CHỌN LỰA ĐÔI, THẾ NÀO CŨNG PHẢI CHO XỨNG ĐÁNG MỚI ĐƯỢC, MUỘN CÓ NGẠI GÌ MÀ KHÓ CÓ LO GÌ !

●

(1) *Trăm năm* : Do chữ bách niên giai lão, nghĩa là vợ chồng cùng ở với nhau đến già trăm tuổi. Câu này ý nói vợ chồng là bạn trăm năm với nhau, có phải là một ngày gì, mà vội-vàng cầu-thả được.

(2) *Ôm cầm lựa khúc so giây cho vừa* : Do chữ sắt cầm hảo hợp nghĩa là vợ chồng tốt đôi vừa lựa với nhau như tiếng đàn cầm đàn sắt hòa hợp với nhau. Câu này ý nói lấy vợ lấy chồng phải lựa chọn cho được tốt đôi vừa lứa.

(3) *Kết tóc xe tơ* : Nói về sự lấy vợ lấy chồng ; cùng nhau kết tóc xe tơ.

(4) Nghĩa là ngọc quý còn chờ được ai trả cao mới bán. Rồng chưa gặp được mây mưa, chưa lên được còn cuộn khúc nằm ở dưới ao để đợi thời. Hai câu này ý nói chưa gặp thời gặp vận, mình còn giữ chỉ đợi thời, cũng như viên ngọc quý còn đợi được giá cao mới bán, con rồng ở ao cuộn khúc còn đợi có mưa mới bay.

T. H.

H ẾT

CHUYỆN VUI



Cụ Siêu và cụ Quát là hai nhà danh nho nước ta, một hôm hai cụ ngồi chơi với nhau, cụ Quát trông ra sân thấy cụm chuối tiêu đương ra hoa ra quả, có một bẹ đang chứa to tưởng chưa nở, cụ tức cảnh đọc một câu rằng :

VIÊN NGOẠI THANH TIÊU, VÔ DÂM DỤC, TỬ THỜI HỮU DỤNG.

(Nghĩa là : *Cây chuối ngoài vườn kia, không dâm dục mà bốn mùa đều có chứa*),

Cụ Siêu liền ngâm đối ngay lại rằng :

NGUYỆT TRUNG ĐƠN QUẾ, VÔ THỔ BỒI, BÁT TIẾT GIAI XUÂN,

(Nghĩa là : *Cây quế trong giếng, không đắp đất, mà tám tiết đều tươi*).

X

Lại một khi cụ Quát sang chơi nhà cụ Siêu, thấy chỗ phòng văn có bức biền viết ba chữ « Thi thư đường » cụ Quát mới nói : « Trong thiên hạ có bốn bồ chữ, hai anh em ta đã chiếm mất ba bồ, còn một bồ cho thiên hạ, thế thì chỗ này, ta nên bỏ chữ « Thi » chỉ đề hai chữ « Thư Đường » không mới hay. Cụ Siêu chịu. Cụ Quát lại nom thấy một anh học trò cụ Siêu đang viết 4 câu :

THA HƯƠNG NGỘ CỔ TRI,
CỬU HẠN PHÙNG CAM VŨ;
KIM BẢNG QUẢ DANH THÌ,
ĐỘNG PHÒNG HOA CHÚC DẠ.

(Nghĩa là : *Đất khách gặp bạn cũ, nắng lâu gặp mưa dào, khi thi đỗ treo tên trên bảng vàng, đêm mới cưới đốt đuốc hoa trong động phòng, (ý 4 câu, nói 4 cái sướng ở đời)*).

Cụ Quát xem xong, liền nói : « Bốn câu ấy kể ra chưa lấy gì làm thú lắm, nên phải thêm vào mỗi câu

hai chữ nữa mới hay, chữ 4 câu ấy còn thiếu ý, chưa lấy gì làm thực sướng, nên thêm như vậy :

THIÊN LÝ THA HƯƠNG NGỘ CỔ TRI,
THẤT NIÊN CỬU HẠN, PHÙNG CAM VŨ;
THIẾU NIÊN KIM BẢNG QUẢ DANH THÌ,
HÒA THƯỢNG ĐỘNG PHÒNG HOA CHÚC DẠ (1).

Thế mới thú chớ, chữ nếu cứ như ý bốn câu cũ thì thường lắm, không lấy gì làm thực sướng thực lạ ! »
Cụ Siêu lại chịu.

X

Một hôm cụ Siêu sai một anh trò trưởng tràng sang bên cụ Quát vờ xin vào học, có thâm ý là sai học trò sang đối đáp với cụ Quát chơi. Khi anh học trò sang xin học, cụ Quát không biết là học trò cụ Siêu liền bảo : « Trường ta đây học trò nào sức có thể vào tam trường được ta mới dạy, chớ thường thường thì ta không bảo, vậy anh học lực đã đến bậc nào rồi ? » — Anh học trò bậm : « Thừa thầy sức con kẻ cũng có thể đi thi được rồi ạ ». —

Cụ Quát liền đọc một câu, bảo đối ngay, xem có quả là học trò khá không ; bấy giờ cụ đang ngồi trên chiếc giường dát vỏ đồi, người lắc lư, giường cọt két, cụ tức cảnh đọc ngay :

Tiên sinh tọa tịch thượng (2), cọt chi két, két chi cọt, cọt cọt két két.

Anh học trò đối ngay :

Tiểu tử nhập đình trung (3), thần chi thơ, thơ chi thần, thần thần thơ thơ.

Cụ Quát khen là khá lắm, sau hỏi ra mới biết là học trò cụ Siêu sai sang ghẹo mình . . .

CẦM-ĐÀI

1) Nghìn dặm đất khách gặp bạn cũ ; — Bấy năm nắng lâu gặp mưa dào ; Tuổi trẻ bằng vàng cheo tên đỗ ; Cái đêm nhà sư động phòng hoa chúc.

2) Ông thầy ngồi trên giường. 3) Học trò vào giữa sân.



Giới thiệu sách, báo

Bản-chi mới tiếp được mấy quyển sách mới này, xin cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu cùng các đọc-giả :

1° Những thời kỳ trọng đại của nước Việt-Nam trong lúc hồi xuân (Les grandes heures de l'Annam rajeuni), do ông GRAUCLAUDE làm chuyên phóng viên ở bên ta cho mấy tờ báo lớn bên Ba-Lê soạn bằng chữ Pháp, hai ông R. F. và P. V. là hai vị quan ở triều đình Huế dịch ra quốc-ngữ. Trong quyển này, tác-giả sưu tập những bài tự sự đã đăng ở mấy tờ báo Pháp mà in ra, bắt đầu kể từ lúc vua Bảo-Đại sắp hồi loan, lúc Ngài tới đất nước nhà, lúc Ngài lâm chính, lúc Ngài tuần du hai miền Bắc, Nam Trung-kỳ cho đến hồi cải cách mới ở Nam-Triều vào ngày 2 Mai 1933.

Sách in đẹp, dày 240 trang. có 140 bức ảnh. Giá bán 0\$50.

2° Nam ngữ chính tả tự vị. (Dictionnaire d'orthographe d'usage de la langue annamite) của ông Yên - Đẳng NGUYỄN-DUYÊN-NIÊN biên tập. Theo như bài tựa của tác-gia thì chỉ « vì nổi lăm khi lúng túng về cách dùng chữ hoặc thành-ngữ về tiếng Nam, đã đôi phen phải bóp trán chau mày về phép chính-tả của ta » mà biên tập sách này. Nhưng đây mới là tập đầu về vần CH ; trong tập này ông DUYÊN-NIÊN lấy hết các chữ và thành-ngữ về vần CH xếp đặt lại rồi đem cắt nghĩa, và có phụ thêm những câu thí dụ. Sách dày 100 trang. — Giá bán 0\$40.

3° Địa dư huyện Quỳnh-Côi của ông NGÔ-VI-LIỄN, tri-huyện huyện Quỳnh-Côi (Thái Bình) soạn ; trước kia, khi ông trọng nhậm huyện Cẩm-Giang, ông đã làm quyền địa dư huyện Cẩm-giang. Nay ông lại soạn quyển này thực

là một việc rất đáng khen. Sách in đẹp, có mấy bức tranh và địa đồ.— Mỗi quyền bán 1\$00.

Giá mỗi quan phủ huyện ở khắp trong nước ai nấy đều theo gương ông LIỄN mà soạn quyền địa-dư ở địa phương mình đang trọng nhậm thì ta lo gì không có một bộ địa dư hoàn toàn giúp ích cho người đọc về khắp các phương diện chính trị, kinh tế, lịch-sử, khảo-cứu và du lịch nữa.

* * *

Tiểu thuyết tuần san.— Tuần san này ngày 23 Juillet 1933 vừa rồi đã tái bản, do ông Vũ - Công - Định làm quản lý kiêm chủ-bút, mà ông Từ-ngọc-Liên coi việc trị sự. Báo dày 12 trang rộng, giá bán 0\$05. Có nhiều bài và nhiều tranh vẽ. Tòa báo ở số nhà 8 phố hàng Ngang, Hanoi-Bản-chí xin chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ.



Kính cáo đọc-giả

Bản-chí cần tìm mấy thứ báo này :

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1. Đảng cổ tùng-báo | 6. Nữ giới chung |
| 2. Đông-Dương tạp-chí | 7. Văn Minh |
| 3. Đông văn tạp-chí | 8. La cloche fêlée |
| 4. Công báo | 9. Tribune indigène |
| 5. Dân báo in ở Hanoi | 10. Annam |

Trong bạn đọc-giả ai có xin gửi cho một số, bất cứ số nào Chúng tôi sẽ gửi biếu báo Văn-học hay một thứ sách gì

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ giùm cho bản chí, bản chí sẽ viết thư thẳng đến Đa tạ.

V. H. T. C.

Khi nhỏ tôi thường được nghe nói : « Văn - chương quốc âm, hay nhất bài Tỗ-bà dịch nôm, rồi đến quyền chuyện Kiều ». Câu ấy tuy chưa hẳn đã là định bình, song chuyện lục bát như quyền Kiều, văn song thất, văn dịch như bài Tỗ-bà, thực đều là kiệt tác trong áng quốc văn, đáng công chúng công nhận. Văn Kiều, tôi đã có bình luận nhiều kỳ ở An-nam Tạp-chí, nay xin nói đến bài Tỗ-bà.

Văn dịch là khó, mà dịch đến văn vần càng khó, đó là chỗ có giá trị của bài Tỗ-bà. Tuy nhiên, trong một bài văn ấy, câu hay thực nhiều mà câu dở cũng chưa khỏi có. Cứ tôi xem ra, như bốn câu :

« Từ xa kinh-khuyết bấy lâu,

« Tầm dương đất trịch gối sầu hôm mai.

« Thủ đồng tiệc lấy ai vui với,

« Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm ».

Văn dịch như những câu đó, thực đối nghĩa và sống. Xin do thiển kiến tường luận.

Trước hết nên xem ở hai câu ở trên, nguyên văn :

« ĐỒNG THỊ THIÊN NHAI LUÂN-LẠC NHÂN,

« TƯƠNG PHÙNG HÀ TẮT TẮNG TƯƠNG THỨC. »

Dịch là : « Cùng một lứa bên giới lân dần,

« Gặp nhau đây lộ sẵn quen nhau. »

Như hai câu đó thực hay, mà câu dưới càng thần tình hơn, hai chữ « nhau » dịch hai chữ « tương » rất khéo, không tài nào dịch hơn được nữa. Vì dịch-giả đặc ý ở câu ấy, không muốn lại có thay đổi, cho nên theo vần nhau bắt xuống, thành ra hỏng luôn mấy câu sau. Xin nói rõ chỗ hỏng.

Hai câu trên đó là nói chuyện cả hai phần người. Bắt đầu từ câu dưới, tức nguyên văn câu « NGÃ TỪNG KHỨ-NIÊN TỪ ĐỂ KINH », mới nói riêng về cảnh hưởng của tác giả. Cho nên nguyên văn chữ « 我 NGÃ » rất quan thiết, cần phải có chữ ấy để làm chủ cả một

đoạn văn. Nay nếu như văn dịch : « *Từ xa kinh khuyết bấy lâu* », thời mất nghĩa chữ « *NGÃ* » không có chữ làm chủ, mà không rõ « *xa kinh khuyết* » đó là ai. Thực là khuyết-diễm rất lớn.— Lại như hai chữ « *bấy lâu* », là tất có chỗ lên một cái thời-gian đã có nói, hoặc là nói với người đã có biết; chớ trên không có gì và nói với một người không quen biết, như thế đột-ngột quá, so với chữ « *KHỨ NIÊN* » của nguyên-văn thực sai. Câu tám thứ hai rằng :

« *Tâm-dương đất trích gói sầu hôm mai* ».

Hai chữ « *đất trích* » thực sống quá. Nguyên nghĩa chữ « *謫 TRÍCH* » của Hán-văn, là người đương làm quan kinh, bị giáng quan đầy đỗi ra một nơi xa xôi hẻo lánh. Chữ ấy nặng nghĩa như thế, có thể để nguyên-âm mà nói sang quốc-văn cho mọi người cùng hiểu được sao? — Bốn chữ « *gói sầu hôm mai* », lời nghe thanh lịch, song chưa được ra nghĩa chữ « *BỆNH* ».

Câu bảy chữ ở thứ ba :

« *Thú đồng - tiệc lấy ai vui với* »,

Chiếu sang nguyên văn :

« *TÂM-DƯƠNG ĐỊA TÍCH VÔ ÂM NHẠC* »,

Toàn không đúng chữ nào, mà ý nghĩa cũng sai lạc.

Câu bảy chữ ở thứ tư, « *đàn thồi* », gượng quá. Chữ « *đàn* » dịch chữ « *ty* » thời phải; chữ « *trúc* » mà dịch là « *thồi* », nghe được sao?

Tóm lại bốn câu ấy hỏng cả, mà chỉ tại cố theo vắn nhau của câu trên. Nay muốn cho một đoạn văn ấy được thông, theo ý tôi, tất phải bỏ vắn « *nhau* » mà chữa cả câu ở trên, chỗ khổ-tâm của con nhà văn chính ở đó; song mà không thể tiếc một câu hay làm hỏng cả bao nhiêu câu khác. Hoặc có thể để nguyên câu ấy mà cứ sửa lại mấy câu sau được thời càng là hơn. Xin các bạn làng văn thử dụng tâm. Tôi hoặc có nghĩ được như thế nào, cũng sẽ xin biểu bạch ở kỳ khác.

Tản-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

THƠ TA DỊCH RA PHÁP VĂN
Les poèmes annamites traduits en français

PAR
Dương - Quảng - Hàm

CÂY (arbre) THÔNG (pin)

NGỒI (assis) BUỒN (triste) MÀ (alors) TRÁCH (reprocher)
ÔNG (grand père ; monsieur) XANH (Bleu),
KHI (moment) VUI (joyeux) MUỐN (vouloir) KHÓC (pleurer)
BUỒN TANH (bien triste) (1) LẠI (encore ; de nouveau) CƯỜI (rire).

KIỆP (vie) SAU (future) XIN (demander) CHÓ (ne pas)
LÀM (faire) NGƯỜI (homme),

LÀM (faire) CÂY (arbre) THÔNG (pin) ĐỨNG (se tenir debout)
GIỮA (au milieu du) GIÒI (ciel) MÀ (pour) REO (chanter).

GIỮA (au milieu du) GIÒI (ciel) VÁCH (muraille) ĐÁ (pierre)
CHEO LEO (escarpée),

AI (quiconque) MÀ (peut) CHỊU (supporter) RÉT (froid)
THỜI (alors) TRÈO (grimper) VỚI (avec) THÔNG (pin).

Le pin

Souvent, plongé dans la tristesse, je m'en veux au Grand Bleu d'en haut.

Dans les moments de joie, je pleure ; en des heures de mélancolie, je ris.

Je souhaite de ne plus, dans ma vie future, renaître comme homme,

Mais comme un pin qui, debout au milieu du ciel, chanterait.

Au milieu du ciel, sur une muraille de pierre escarpée.

Il semble défier quiconque aurait le courage de supporter le froid et de grimper jusqu'à lui.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (1778-1858)

1) Tanh, lil. : odeur du poisson ; ici, il renforce le sens de l'adjectif buồn. De même, vắng tanh signifie bien solitaire, ngùi tanh, bien froid.

Mây câu đôi lý thú

Ông Đỗ-khắc-Trân người làng Nhân-nhuế, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-định là một người hay chữ mà ại tài về khoa câu đối nôm. Ông có làm một câu đối mừng người lính đi tây về, tôi giám chắc rằng: từ cổ đến giờ chưa ai làm kiểu câu đối này bao giờ.

Câu đối rằng:

BINH BÌNH TÊ Ơ TƯ SẮC TỬ,
兵 平 西 於 斯 色 賜
QUI QUI HÁT Ô HỒ HUYỀN HỒ.
縣 貴 喝 鳴 呼 弦 孤

Chữ BINH thêm dấu huyền là chữ BÌNH, chữ TÊ với chữ Ơ là chữ TƯ có dấu sắc là chữ TỬ, chữ QUI thêm dấu sắc là chữ QUI, chữ HÁT với chữ Ô là chữ HỒ, có dấu huyền là chữ HỒ. Thành đôi câu đối có ý nghĩa là: Đánh trận yên khi ấy sắc vua đem tới ban thưởng chờ. Nay về nhà vinh qui, nói ôi thôi trao nỏ từ giờ nghỉ ngơi sung sướng.

* * *

Một hôm có người ra cho ông câu đối rằng:
Cây dâm BUT, trước cửa CHÙA, gió thổi phật đi PHÁT
lại,

Ông đối ngay:

Củ thủy TIÊN, để trọng ĐÔNG, nước rơi thánh thót
THÁNH tha.

Ông ở vào lúc chữ quốc - ngữ mới truyền bá mà chữ Hán thì suy đồi, cho nên những câu đối của ông không mấy người suu tầm được hết, chỉ còn truyền tụng lại mấy câu ấy thôi.

TRỌNG-QUYỀN sao lục



HÒA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN-GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XX

Lê-Hoàn cũng vốn là người có mưu lược, xem bức thư của Đinh động-chùa xong, nghĩ ngợi hồi lâu, thưa với Đinh thúc rằng :

— Chùa công đừng quá chắc ; mình tính họ biết đâu họ chẳng tính lại mình. Mình đặt quân mai phục ở các nơi xung yếu, may mà gặp được họ thì chụp đánh đã đành, nhưng nếu họ tính tế đề phòng, dò được quân trại mình không hư ; lên đi trước nhật kỳ, xông thẳng tới quân trại mình chụp đánh thì làm sao ; chỉ bằng ta phải cẩn thận phòng bị trước thì hơn. Xin đúng ngày 22 tháng 11 tuyển lấy một nửa quân chia phục các nơi xung yếu đón đánh anh em Bộ-Lĩnh, còn một nửa quân lưu thủ quân trại, bắt thêm mấy đội dân quân, điều khiển kèm với quân bản bộ, cho mai phục sẵn ở ngoài trại, bất kỳ lúc nào, hễ thấy quân giặc tới thì xông ra chụp đánh liền, như thế mới thật là cái chước vạn toàn vậy.

Đinh-thúc nói :

— Nếu thế thì lại càng hay, tướng quân thật là tính không sót nước.

Đến ngày 22 tháng 11, Lê-Hoàn phân bát các toán quân đầu đầy xong cả, đích thân ra quản xuất toán quân mai phục ở ngoài quân trại.

Các toán quân thừa lệnh Lê-Hoàn chia nhau đi vừa tới những nơi định mai phục, thì đầu đầy đều bị quân Đinh tướng quân mai phục trước xông ra chụp đánh, kẻ bị chết người bị bắt, tan nát tứ tung, Đinh tướng quân lại mật phái sẵn mấy toán quân đứng ngày hôm ấy đóng chặn ở các ngách đường về, còn sót đứa nào chạy về quân trại Đinh-thúc đều bị bắt hết, thành ra Đinh-thúc cùng Lê Hoàn không được tin tức gì cả.

Đến ngày 23, Nguyễn tướng-quân quản xuất một đạo tinh-binh kéo thẳng tới đến quân trại Đinh thúc, đi vừa tới ngoài trại, thì Lê-Hoàn truyền lệnh khởi quân mai phục chụp đánh liền; quân Nguyễn tướng quân cùng quân Lê-Hoàn giao chiến một hồi lâu, chưa phân thắng phụ thì đã thấy Đinh tướng quân kéo một đạo tinh binh đến tiếp cứu Nguyễn tướng quân; Lê-Hoàn biết sức không thể địch nổi quân bên kia, đành rút quân về trại làm kế kiên thủ.

Đinh tướng quân liệu đánh cũng chưa lấy nổi quân trại bên thừa với Nguyễn tướng quân hãy lui binh về; trong đạo quân Đinh tướng quân kéo đến có đem theo cả những quân Lê-Hoàn đã bắt được ở các ngách đường về, Đinh tướng quân hỏi đứa nào hàng phục thì cho tòng quân, còn đứa nào muốn về thì cho về sai đem một phong thư về trình cho Đinh thúc cùng Lê-Hoàn triết khán.

Thư rằng :

« Đinh-thúc Lê-Hoàn hai vị tướng quân soi xét. Động-chúa tôi thuận mệnh gởi, ứng lòng người, khởi nghĩa binh, dẹp họa loạn, muốn dân phục mệnh, bốn bề nức lòng. Hai tướng quân cố chấp ý riêng, khoe-khoang tài lực quên tình trái lẽ, gây oán hiếp hiềm. Động-chúa tôi nghĩ tới thân tình, chưa từng vắn tội, muốn làm lành

bỏ giận, cho trong ấm ngoài êm, đã sai tôi thân hành tới trước duynh môn, rãi bày ơn tin; mà hai tướng quân còn chấp mê không tỉnh, lấy oán trả ơn, ngoài giả giảng làm lành, trong ngầm mưu tạo biểu. Động-chúa tôi thông minh thần võ, dẫu trăm gian nghìn dối, dễ cho chốn khỏi mắt trời, đã điều cho điều, ở quấy gặp quấy, đặt cam mà hóa ra tự đâm vào cam, thả câu mà hóa ra tự mắc vào câu; quân mai phục của hai tướng quân lại bị quân của Động-chúa tôi chụp đánh trước; những tàn quân tẩu thoát thì Động-chúa tôi đã phái một đạo tinh binh đi chia đường đón giữ, lại hết, cho bắt tin lặng tiếng, hai tướng-quân đã lẫn mình vào bầy mà vẫn mờ mịt như ở trong mây giẫm mây mù; đến lúc nhị-kha tôi kéo quân đi tới, hai tướng-quân đã chắc mẫm là đã bắt được cái cóc ngon, biết đâu đạo quân tôi đã tiếp ứng theo sau, mưu đồ của hai tướng-quân thành ra bắt gió cả. Hai tướng-quân nay thử vất tay lên trán nghĩ tài lược của mình liệu có thể địch nổi với Động-chúa tôi không? Bày đặt ra lắm mưu sâu kế độc phỏng có ích gì không? Gân mo cò-bướm chắc có mãi thế được không? Ếch giếng thử ngóng cổ mà trông trời, chó Thục chó thông manh mà cắn tuyết. Một đảng mà qui thuận thì tình sau trọn vẹn, nghĩa cũ đậm đà, phú quý hưởng chung, công danh thành lập, một đảng mà nghịch mệnh thì tay ấn không non, gươm thần dễ nhut, oai trời chỉ đến, mạng kiến không còn, đảng nào họa, đảng nào phúc, đảng nào nên, đảng nào hư? Xin hai tướng quân nghĩ chín».

Tối ngày 23 tháng 11

ĐINH-ĐIỀN kính thư »

Đinh-thúc cùng Lê-Hoàn đương ngồi thở than buồn bực thì bỗng thấy một lũ tàn quân sặc-sa sặc-sếch chạy vào dập đầu tạ tội thua trận và dâng trình cái thư của Đinh tướng-quân. Lê-Hoàn biết lại cũng trúng kế của Đinh tướng-quân rồi, toát mồ hôi trán ra, vừa then

vừa giận, không nói ra lời được nữa. Đinh-thúc xem xong bức thư, đỏ mặt tía tai, ném thư xuống đất mà rằng :

— Gớm thật ! thầy trò Bộ-Lĩnh ra khỗ có phép tiên-thuật thánh gì, sao họ tính việc như trông tới bụng mình, mình giở miếng nào cũng mắc họ trả miếng lại cả. Rõ nhà người (chỉ Lê - Hoàn) khéo cũng đa sự, đương yên lành vô cớ, vẽ mưu này mẹo khác, làm tổn thiệt mất bao nhiêu binh mã của mình, lại bị chúng nhạo báng chê cười, nhục mình hết nước ; bây giờ cần rồn không tới biết làm thế nào !

Lê-Hoàn thấy Đinh-thúc tính khí lảo đảo, gắt gỏng như thế, từ đấy đã có ý căm, nhưng nghĩ mình ở trong quân trại Đinh-thúc cũng chưa có quyền bính gì, muốn đảo qua về với Đinh động-chúa cũng chưa được, mà một thân không quyền xịch thủ, về Tào về Hán cũng chẳng có trọng khinh gì, *bỏ thân về với người ta, hàng thần ngu lão biết là có dung*, đành ăn nhậu qua thì ngậm bồ-hòn làm ngọt vậy, nghe Đinh-thúc la mắng dứt lời, liền đổi giận làm lành, thưa lại Đinh-thúc rằng :

-- Tôi theo chúa công hết lòng hết sức, bày mưu này đặt kế khác, tẩm thành đau-dầu, cũng mong cho chúa công nên đại-nghiệp để gọi là báo chút công ơn áo giáp cơm nặng bấy nay ; chẳng may cường lại gặp cường, mình khôn một họ khôn mười, cớ thấp đánh với tay cao không lại. Nay việc cũng đã lỡ rồi, dám xin chúa-công xét tình mà lượng thứ cho. *(Còn nữa)*

XIN CHÚ Ý !!!

Đáng lẽ cuộc thi đặc biệt về vấn đề sửa đổi chữ quốc - ngữ mà bản-chí tổ chức ở số kỷ niệm ra ngày 1 Juin 1933 hạn đến ngày *mồng một tháng tám tây* này thì không thâu bài dự thi nữa, nhưng vì có nhiều độc-giả viết thư tỏ ý nói một việc quan hệ như thế cần phải xem xét nghĩ ngợi lâu, vậy bản-chí cũng chiều lòng mà gia hạn thêm hai tháng nữa, nghĩa là đến hết tháng *chín tây* này thì mới thôi không nhận bài



(NÀ THOẢNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

XVI

Đi sẵn sao lại đứng
đây, anh Vát ?

Câu hỏi đột-ngột làm
cho cậu ta lúng-túng.

Ông Chánh cười sẽ nói :

— Anh sẵn con gái lão
chứ gì ? Muốn tốt nói cho
thật.

Thấy ông Chánh hiểu
tâm-sự mình, cậu then.
Nhưng sau cậu nghĩ nên
nhân dịp này ngỏ hết tâm
sự cùng ông, may ra được
việc cũng nên :

— Ông đã rõ lòng con,
tưởng dẫu nữa cũng vô
ích. Vâng, con yêu Mai-
Dung lắm, nhưng.....

— Nhưng thế nào ?

Cậu Vát thở giải :

Nhưng trong tình yêu
ấy, con sợng ít mà khổ
nhiều.

— Phải, lão biết truyện
rồi. Nói thật ra cũng tại
anh. Con bé nhà lão tính
nó đứng đắn, rất ghét sự
lẳng lơ, thế mà anh lại
dùng ngay cái cách tầm
thường ấy để cầu thân,
trách nào chẳng hỏng việc.

— Điều ấy thực không
tự con. Mai-Dung hắt hủi
con quá. Trong lúc tức giận,
con cư xử như một thằng
rồ. Bản tâm con có phải
mong cho cô khinh bỉ đâu,
có phải đem những cách
chó-má ấy làm mất danh-
tiếng nhà ông đâu ? Thưa
ông, ấy chính vì bị hãm

vào nỗi oan ức ấy mà con phải đau khổ bấy lâu.

— Anh bảo anh oan, có sao anh không biết hối, còn cố oán Bạch-Hùng? Ấy may cho anh mà Bạch-Hùng kịp can thiệp vào để anh chưa phạm phải tội ác, nếu không nhờ hấn, thì hiện giờ đối với danh tiếng nhà tôi, anh là một kẻ thù rồi. Nó đã làm ơn cho anh đấy.

— Con vẫn biết thế, nhưng đây lại là một nỗi khổ lòng cho con...

— Vì ? ...

— Con thấy Mai Dung với Bạch-Hùng tương đắc với nhau quá đến nỗi con ngờ...

— Anh chờ nói càn ! ...

Ông Chánh nói đến đấy, trong trí bỗng nảy ra một ý nghĩ bèn đổi giọng :

— Ủ, cũng chưa biết chừng. Sinh con ai nỡ sinh lòng. Có lẽ vì nó yêu Bạch-Hùng mà ghét bỏ anh. Nếu vậy thực đáng phàn nàn cho anh và đáng tức cho tôi lắm.

— Đã thế ông có thể giúp con. Ông đuổi phăng ngay Bạch-Hùng đi.

Ông Chánh thủng thỉnh đáp !

— Khó lắm. Không có tội gì buộc cho nó được.

Nó rất được việc cho nhà tôi. Bà nó nhà tôi mến nó lắm. Lại Mai Dung nữa, chắc hai mẹ con nó sẽ bênh vực Bạch-Hùng, mẹ con nó sẽ đổ rằng tôi nghe anh suigìục làm sự bất-công. Nếu anh thật tình yêu con Mai, tôi tưởng tự anh nên nghĩ cách làm thế nào cho Bạch-Hùng phải bỏ đất này. Tôi muốn thử tài trí anh một thể.

— Như nhờ ông vừa nói, bà Chánh và cô Mai bênh vực Bạch-Hùng lắm. Hấn lại có cơ thiết ở thì việc con khó biết chừng nào ?

Ông Chánh vỗ vai cậu Vát, cười mà rằng :

— Anh này ngu ! Khó gì mà khó. Nếu Bạch-Hùng nhất định không đi, làm cho việc nhân duyên của anh phải cản-trở thì sao anh không giết phăng ngay nó đi ?

Cậu Vát nghe nói, toát mồ hôi, giật lùi lại mấy bước :

— Ông nói đùa con?....

— Tôi không thích đùa.

— Nhưng....thưa ông.... con có phải là..... một kẻ sát-nhân đâu?!

Ông Chánh cười một cách khinh bỉ:

— Đưa sát-nhân làm cho anh sợ đến thế kia à? Nay, chẳng phải ai, chính tôi đây,.....chính tôi trước kia đã giết người vì tôi cũng bị cảnh-ngộ như anh.....

— Ông Chánh!.....

— Rồi hơn nữa, chính tôi đã giết người. Mà kẻ bị giết nào phải ai: bố đẻ của Bạch-Hùng.....

— Ông làm con sợ quá!...

— Nay bỗng dưng nó đến đây, anh có biết ý nó định gì không? Nó định tìm tôi để trả thù cho bố nó. Số phận nó tôi đã định rồi!

Cậu Vát run cầm-cắp.

— Ừ, nó phải chết. Bạch-Hùng phải chết. Anh nghe rõ chưa? Nhưng tôi không muốn chính tay tôi giết nó. Làm ác có một mình, rợn lắm anh Vát à. Nó quần chân tôi, nó quần chân anh, tôi muốn nhờ tay anh trừ nó hộ tôi.

— Con van ông..... Trời ơi!

— Tôi muốn anh xứng đáng là rề tôi. Thế nào? Anh định chưa?

— Con thực không dám... Con thà suốt đời đeo sự sầu-khổ còn hơn là...

Ông Chánh lúc đó rất dữ-tợn. Máu ông hăng lên, mắt ông quắc tròn soe như mắt cọp. Nếu ban ngày cậu Vát nom rõ thì đến ngất người đi được.

— Hơn là phạm tội sát nhân? Đồ hèn nhát! Bước ngay, bước ngay khỏi mắt tao và đừng hy-vọng gì con gái tao nữa. À, nhưng anh không muốn cũng không được. Sự bí-mật của đời tôi anh đã biết rồi. Cái đầu tôi sẽ có lúc rung vì tay anh. Nếu anh không chịu giết Bạch-Hùng thì anh chết thay nó vậy. Tôi phải giết anh để lấp một cái chứng cớ nguy-hiểm.

Cậu Vát ngã quỵ xuống trước mặt ông Chánh Quan liu lưỡikhông nói được nữa.

Ông Chánh cười:

— Vả lại ở đây ai không biết truyện anh với Bạch-Hùng thù hằn nhau. Nếu

anh chết, tất ai cũng ngờ cho nó. Thành thử giết anh tôi được những hai việc.

Ông Chánh Quan nói xong, một tay nắm ngay lấy búi tóc cậu Vát giật ngửa xuống đất, một tay bóp chặt lấy cổ họng, hai đầu gối tì lên ngực như hai cái cối đá. Cậu Vát cố sức gỡ được bàn tay ông Chánh bóp cổ cậu nhưng đã ngạt hơi lắm chỉ rên-rĩ được một tiếng:

— Ông tha tôi ! . . .

Ông Chánh chẳng nói chẳng rằng, hung hăng như một con ác thú. Ông thấy cậu Vát giãy giụa mãi, bèn thò tay rút ngay con giao lưng của cậu, đâm mạnh một nhát vào giữa ngực cậu. Máu vọt ra như ống thụt, bắn cả lên mặt ông Chánh Quan. Cậu Vát giãy thêm được mấy cái rồi chân tay dờ ra. Ông Chánh vùng đứng giẫy bỏ chạy vào rừng.

Tấn kịch xảy ra nhanh chóng và lặng lẽ một cách gớm ghê. Bạch-Hùng lúc ấy vẫn thức, rần-rọc trên manh chiếu, tâm trí đang ngồn ngồn nhiều truyền. Anh ta tuyệt nhiên chẳng

nghe thấy gì cả. Bên ngoài, để vẫn rừ-rì, quốc kêu rả-rả, ếch nhái ì-òp, cảnh vật im-lìm.

IX

Ở một góc vườn trước dinh quan Quản-đạo, một cái lò cốt vuông, tường quét vôi màu vàng lợt, vượt lên trên ngọn cây như nêu ra trước mắt mọi người cái ý trừng gian phạt ác. Tầng trên là vòm canh đêm, tầng dưới là chỗ giam tội nhân, cánh cửa thường đóng kín.

Trong buồng giam bấy giờ lặng ngắt và tối đen như mực. Trên cái sàn lim ngấm vào tường, Bạch-Hùng ngồi ngả ra đằng sau, hai tay chống xuống sàn, hai chân bị khóa chặt trong lỗ cùm sắt ở mép sàn. Anh ta ngồi âm thầm, chốc chốc đưa mắt nhìn quanh, nhìn cái sắc tường trắng lờ mờ trong quầng tối. Anh ta buồn lắm, cũng chẳng thèm sua đuổi đàn muỗi đói vo-ve sán lại quanh mình.

(Còn nữa)

TỰ HỌC TIẾNG ẲNG LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

BÀI THỨ 25

(Tiếp theo số 19)

Thick	<i>t' hic khờ</i>	Dày
Pliable	<i>p'ờ lay ap-bờ-lờ</i>	Đẻo
Soft	<i>so-phờ thờ</i>	Mềm
Hard	<i>hat-đờ</i>	Cứng
Hurt	<i>hót - thờ</i>	Làm đau
Pinch	<i>p'in - chờ</i>	Kẹp chặt
Mend	<i>men - đờ</i>	Chữa
Good day, sir.	<i>gút-đê, sơ. Hu - ất</i>	Chào ngài, ngài
What can I do	<i>khen ay du pho</i>	muốn thứ gì?
for you, sir?	<i>du sơ?</i>	
I wish to see	<i>ay uy-shờ thu si</i>	Tôi muốn xem ít
some shoes.	<i>sâm shu-si.</i>	đôi giày.
I want a pair of	<i>ay u on-thờ ê p'e</i>	Tôi muốn một đôi
brown boots for	<i>ov bờ-rong bút-si</i>	giày vàng để đi
summer wear.	<i>pho sâm-mờ ue.</i>	mùa hè.
Button up or	<i>bút thần ắp o lế si-</i>	Giày cài khuy hay
laced boots?	<i>đờ bút-si?</i>	là buộc giây.
Laced.	<i>lê-si-đờ.</i>	Giày buộc giây.
What number	<i>hu-ất năm-bờ he-vờ</i>	Ông đi số mấy?
have you?	<i>du?</i>	
That pair in your	<i>t'hét p'e in dua uin-</i>	Cái đôi ở trong
window will do	<i>đô uil du ve-ri uel, i-</i>	cửa sổ kia có lẽ
very well, if it's	<i>phờ it-si thờ rach-</i>	được, nếu nó vừa
the right size.	<i>thờ say-zờ.</i>	chân tôi.

All right, sir, please sit down, and I'll slip them on for you. Please take your shoes off. Please stamp your foot a little.	<i>ol rach, sơ, p'ò-li-si</i> <i>sit đong, en ay-l si-</i> <i>lip t'hem on pho du.</i> <i>p'ò-li-si thếc dua</i> <i>shu-si ó phờ.</i> <i>p'ò-li-si si them dua</i> <i>phut ê lit-thờl.</i>	Xin vâng (tốt lắm) Mời ông ngồi, để tôi sẽ đi thử vào cho ông. Xin ông tháo giày ra. Xin ông nhận (đề) chân ông xuống một thí.
It does not pinch, does it?	<i>it đờ-si not p'in chờ,</i> <i>đờ-si it?</i>	Nó có kẹp chặt mấy đầu ngón chân ông không?
Not a bit, it fits to a T. (1) What leather is this?	<i>not ê btt, it phi-si thu</i> <i>ê thi.</i> <i>hu-ắt le-t'hor iz t'hi-</i> <i>zờ?</i>	Không kẹp, đôi này vừa vặn quá. Đôi này làm bằng da gì vậy?
Kid, sir, strong and pliable at the same time. I have all kinds of leather.	<i>khit, sơ, si-thờ-roong</i> <i>en p'ò-lay-a-bờ-lờ et</i> <i>t'hor sêm thay-mờ.</i> <i>ay he-vờ ol khanh si</i> <i>ov le-thờ.</i>	Da dê thuộc đấy, vừa bền vừa mềm. Tôi có tất cả các thứ da.
Patent leather is mainly used for fashionable shoes.	<i>p'et then le-t'hor iz</i> <i>mên-li du si-đờ pho</i> <i>phe-shăn-na-bờ-lờ</i> <i>shu-si</i>	Thứ da bóng phần nhiều để dùng vào những thứ giày kiểu đẹp.
Neat's leather is also fit for many purposes.	<i>nit-si le-t'hor iz ol-so</i> <i>phit pho me-ni p'ơ-</i> <i>p'ô-sis.</i>	Da bò thuộc cũng dùng được nhiều việc.
Let me try on another pair of black shoes. They are too large.	<i>let mi thờ-ray on e-</i> <i>nơ-t'hor p'e ov bờ-léc</i> <i>shu-si.</i> <i>t'hê a thu lá-chờ.</i>	Cho tôi đi thử đôi giày đen khác. Đôi ấy rộng quá.

(1) A T (ê thi) nghĩa là cái thước chữ T.

They are too tight I can not get my foot in.	<i>t'hé a thu thách.</i> <i>ay khen-not ghet may</i> <i>phut in</i>	Đôi ấy chật quá. Tôi không thể cho chân vào được.
Give me a shoe horn.	<i>ghi-vờ mi é shu hon.</i>	Cho tôi cái vót giày.
Are they confor- table?	<i>a t'hé khâm-phót-</i> <i>tha-bờ-lờ.</i>	Đôi ấy có được dễ chịu chăng?
They hurt my heel.	<i>t'hé h - ót may hil.</i>	Nó làm đau chỗ gót chân tôi.
I cannot walk in them.	<i>ay khen-not uoc in</i> <i>t'hem.</i>	Tôi không thể đi đôi giày này được.
The soles are rather thick.	<i>t'hơ sô-lờ-si a ra t'hơ</i> <i>th'ic</i>	Cái đế giày hơi cao.
I want to order a pair of white shoes.	<i>ay u-on thu o-dờ é</i> <i>p'e ov hoách shu - si</i>	Tôi muốn đặt một đôi giày trắng.
Take my measure.	<i>théc may me-zura.</i>	Đo chân tôi.
I take this pair.	<i>ay théc t'hí si p'e</i>	Tôi lấy đôi này.
Here is my address	<i>hia iz may et-dờ re-</i>	Chỗ ở của tôi
Send this to my hotel.	<i>si. Sen t'hí-si thu may</i> <i>hồ-thêl</i>	đây. Gửi đến hàng cơm tôi ở.
I shall send my boots to be mended	<i>ay sha-lờ sen may</i> <i>bút-si thu bi men-dét</i>	Tôi sẽ gửi đôi giày của tôi đến nhờ ông chữa cho.
When will they be done.	<i>hu-en uil t'hé bi dân?</i>	Đôi giày ấy bao giờ mới xong?
I must have them as soon as possible	<i>ay mớ-si-thờ he-vờ</i> <i>t'hem é si sun é-si</i> <i>p'ó-si-bờ-lờ.</i>	Tôi cần lấy ngay.
You will have them day after to morrow.	<i>du uil he-vờ t'hem</i> <i>đé a-phờ-thờ thu-</i> <i>mo-rô.</i>	Đến ngày mốt ông sẽ có.
I want a pair of shoe-laces.	<i>ay wôn-thờ é p'e ov</i> <i>shu-lê-sis.</i>	Tôi muốn mua một đôi dây giày.

Shall I give you a bottle of shoe-polish ?	sha-lờ ay ghi vờ du ê bót-thơ-lờ ov shu p'ô li-shờ ?	Ông có lấy một chai thuốc đánh giày không ?
We keep the very best, sir, at sixty cents a bottle.	Uy khip t'hor ve-ri be-si-thờ, sớ, et sic-si-thi sen-si ê bót- thơ-lờ.	Tôi bán thứ thật tốt, giá có sáu hào một chai.
Well, i'll try it. How much is it in all ?	uel, ay-lờ thờ-ray it. Hau mớ-chờ iz it in ol.	Được, tôi sẽ dùng thử. Ông tính tất cả bao nhiêu tiền ?
Eight piastres fifty sir.	et p'i-e si-thờ phip- phờ-thi, sớ.	Thưa ông tám đồng năm hào.

H ẾT



CHÚ Ý : Bài học tiếng Ăng-lê kể đến đây là hết. Các đọc - giả nếu học thuộc được tất cả các bài đã in trong mục này cũng có đủ những nhời vấn đáp thông thường để nói chuyện với người Ăng-lê, và cũng có thể tạm đủ dùng trong khi đi du-lịch ở các nước ngoài vậy.

Mới xuất bản SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ của ĐÔNG-TÂY-ẤN-QUÁN

Ai chưa biết Cờ ? — Muốn học.

Ai đã biết Cờ — Muốn cao

— xin coi

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

Dạy đủ cách

Ra quân cho được thoát, dàn quân cho khỏi bí,
Đi lăm nước rất bí hiểm, khép vào nhiều trận hay vô cùng
Muốn cao, các bạn chơi cờ nên xem

Sách DẠY ĐÁNH CỜ - Giá 0\$20 — Cước thường 0\$06,
bán tại: ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193. phố hàng Bông
Hanoi, và các hàng sách các tỉnh.

Mua một quyển gửi bằng timbres-postes cũng được
(nhớ thêm tiền cước)

Sách bán rất rẻ !!!

1. — Câu chuyện làm quà của giáo học Vũ Túc trường Haiphong soạn (tức là những câu chuyện hay, có ý vị, để trẻ em đọc làm chuyện giải trí và tiêu khiển). Sách này đã được nhà nước công nhận dùng trong các trường, mới in lại lần thứ hai trước bán 0\$25 nay bán 0\$10. Cước thường 0\$06.

2. — Người quay tơ của NGUYỄN TƯỜNG-TAM soạn, sách in vào giấy ta, đóng lối lều, trông rất nhã, rất đẹp, dày 100 trang. Giá trước định là 0\$35, nay bán 0\$10. Cước 0\$06.

3. — Quốc-sử huấn mông (sử nước Nam, có cương, có mục, có phụ lục, có phụ khảo, có ký, án, có biện-luận, của Tân-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU soạn. Dày 170 trang rộng. Giá định trước 0\$60, nay bán 0\$15. Cước thường 0\$09.

Gửi bằng timbres postes cũng được nhớ thêm tiền cước cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi. Mua cả 3 quyển cước chung à 0\$18

Văn Tây của Hường rất hay,
Một mình học lấy, mười ngày đọc thông,
Giá hào hai chẳng mấy đồng.

Mua ngay sách ấy mà dùng thử xem.
Bán lại các hàng sách và ở Đông-Tây ấn-quán,
193, phố hàng Bông — Hanoi

Kính thuốc



Nhà **TINH - KY,**

84 - 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG.

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ

Sách bán rất rẻ !



MỘT CUỐN SÁCH DẠY NGHỀ RẤT THIẾT DỤNG AI AI
CŨNG CẦN PHẢI CÓ

NÔNG LÂM HÓA HỌC KỸ NGHỆ

Trong có những mục : Cách làm đường, cách ép dầu (dầu dừa, dầu thầu dầu) cách làm sà phòng. Sà phòng trắng, sà phòng rửa mặt — cách làm nển — Nghề nhuộm : cách dệt và đánh trắng vải bông — cách chuội tơ — cách dệt vải bông — cách dệt tơ nhân tạo. Thuốc nhuộm (tính chất cách phẩm nhuộm, thuốc cầm màu) Cách nhuộm vào vải bông, tơ, len. Nhuộm thâm — Nhuộm vải tây đỏ — Hồ vải. — Những điều phải biết trước khi tẩy vết bẩn : cách đánh các vết bẩn dây vào những hàng nhuộm màu v. v.

Sách dày non 90 trang — Trước bán : 0\$35. Nay chỉ bán có 0\$15. Cước thường 0\$06. Mua mau kẻo hết. Mua một quyển gửi bằng timbres postes cũng được.

CHO : ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193, HÀNG BÔNG, HANOI